

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang

**Sách Giáo Khoa
Việt Ngữ Cấp 2**

Ấn bản 7.0 1983-2008

Họ và tên học sinh _____

Lớp _____ Khóa _____

Thầy/Cô phụ trách _____

Số phòng học _____

Có chỉ thi nên.



Sách Cấp 2, ấn bản 7.0 1983-2008.
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose xuất bản.
Tháng Chín, 2008.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gửi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang – San Jose
P.O. Box 32563
San Jose, CA 95152

Điện thoại: (408) 486-7085
E-mail: Vanlangsj@vnet.org
Web site: <http://www.vnet.org/vanlangsj>

Mục Lục

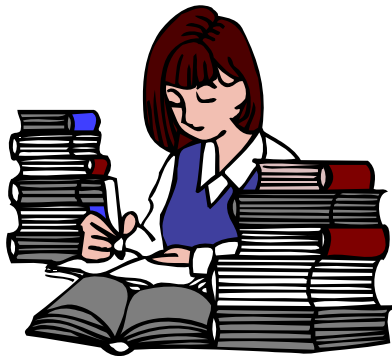
- Nội quy	v
- Lời mở đầu	vi
- Chú thích	vii
- Định nghĩa	x
- Nguyên tắc viết chính tả	xi
- Chữ cái và cách phát âm	xv

Bài học

- Tiêu chuẩn học sinh cấp 2:	1
- Bài ôn cấp 1:	2
- Bài 1: ch	5
- Bài 2: gh	11
- Bài 3: gi	17
- Bài 4: học ôn	23
- Bài 5: kh	28
- Bài 6: ng	35
- Bài 7: ngh	41
- Bài 8: học ôn	47
- Bài thi mẫu giữa khóa	53
- Bài 9: nh	56
- Bài 10: ph	62
- Bài 11: qu	68
- Bài 12: học ôn	74
- Bài 13: th	80
- Bài 14: tr	86
- Bài 15: học ôn	92
- Bài 16: học ôn toàn tập	98
- Bài thi mẫu cuối khóa	103

Bài làm ở nhà

- Bài làm · nhà 1	108
- Bài làm · nhà 2	112
- Bài làm · nhà 3	116
- Bài làm · nhà 4	120
- Bài làm · nhà 5	124
- Bài làm · nhà 6	128
- Bài làm · nhà 7	132
- Bài làm · nhà 8	136
- Bài làm · nhà 9	140
- Bài làm · nhà 10	144
- Bài làm · nhà 11	148
- Bài làm · nhà 12	152
- Bài làm · nhà 13	156
- Bài làm · nhà 14	160
- Bài làm · nhà 15	166
- Bài làm · nhà 16	168
- Giải nghĩa tục ngữ.....	172
- Tài liệu tham khảo.....	173
- Quốc Ca	174
- Văn Lang Hành Khúc	175
- Ngôi Trường Văn lang	176
- Việt nam Việt Nam	177
- Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ	178





ĐOÀN THANH NIÊN THIỆN NGUYỆN VIỆT NAM TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG SAN JOSE

P.O. BOX 32563 San Jose, CA 95152 • Điện thoại: (408) 486-7085 • Email: admin@vanlangsj.org • http://www.vanlangsj.org

NỘI QUY DÀNH CHO HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH THUỘC TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG SAN JOSE

- 1- **Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục**, học sinh đến lớp trễ quá 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp Ban trật tự để nhận giấy phép vào lớp.
- 2- **Học sinh nghỉ học**, phụ huynh phải xin phép trước với Thầy, Cô giáo, gọi vào điện thoại Trung Tâm hoặc đến gặp Ban trật tự trình bày lý do nghỉ học vừa qua. Học sinh nghỉ liên tiếp 3 lần mà không có lý do chính đáng, không xin phép cũng như không có phụ huynh đích thân dẫn tới gặp Ban trật tự thì coi như tự ý thôi học.
- 3- **Học sinh bắt buộc phải mặc đồng phục** (áo trắng có phù hiệu Văn Lang). Học sinh không được về sớm quá 3 lần trong một khoá học. Ban trật tự sẽ không giải quyết cho học sinh xin về sớm sau 11 giờ trưa. (trừ trường hợp khẩn cấp).
- 4- **Học sinh phải giữ kỷ luật trong lớp**, lễ phép với Thầy, Cô, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy, Cô và hòa nhã với bè bạn. Học sinh vi phạm kỷ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học tại Trung Tâm.
- 5- **Học sinh phải tham dự đầy đủ các kì thi trong khóa học** (nếu không tham dự đầy đủ các kì thi sẽ đương nhiên ở lại lớp. Các trường hợp xin thi trước hoặc sau đều không được chấp nhận). Học sinh phải hoàn tất những bài tập do Thầy, Cô đã cho và nộp lại đúng kì hạn. Học sinh vắng mặt 3 lần dù có lý do chính đáng cũng không được lên lớp trong khóa tới.
- 6- **Học sinh phải giữ vệ sinh chung của trường và lớp học**, tuyệt đối không được di chuyển, lấy cắp đồ đạc, sách vở cũng như trợ huấn cụ của lớp học (mọi sự thất thoát có bằng chứng phụ huynh phải chịu trách nhiệm hoàn trả theo trị giá của từng món và học sinh sẽ không được tiếp tục theo học)
- 7- **Mang Vũ khí**, học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên nhà trường các vật dụng bén nhọn, chất nổ, ma túy cũng như vũ khí (Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo với sở cảnh sát mà không cần thông báo cho phụ huynh) .
- 8- **Đưa Đón Học sinh**, để an toàn tuyệt đối cho chính con em mình, phụ huynh phải đón con em đúng giờ. (Và chỉ đưa đón con em mình trong khuôn viên nhà trường) tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Ban trật tự về vấn đề giao thông lúc đưa cũng như lúc đón, xin hoà nhã với người hướng dẫn. Mọi ý kiến, xin liên lạc cùng Ban điều hành để được giải quyết.
- 9- Phụ huynh không được theo con em vào lớp học nếu không có sự đồng ý của Ban điều hành. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose có mọi thẩm quyền xử dụng hình ảnh và video được thu trong tất cả các sinh hoạt của Trung Tâm.
- 10- **Học phí** của học sinh sẽ không được hoàn trả sau 2 tuần nhập học (với bất cứ lý do gì)

Lưu ý: Nếu vi phạm các điều trên, Trung tâm sẽ áp dụng các biện pháp kỷ luật cho học sinh bao gồm: chép phạt, không cho ra chơi, mời phụ huynh đến trường hoặc bị đuổi học vĩnh viễn

Phụ Huynh kí tên:

Lời Mở Đầu

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Vì vậy, Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 12 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 12. Mỗi tập gồm có 15 bài học trong lớp và 15 bài làm ở nhà. --- Riêng 5 tập đầu có 16 bài. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose,
California, U . S . A.

CHÚ THÍCH

(Dành riêng cho quý Thầy Cô và Phụ Huynh)

Hàng tuần mỗi bài học được chia ra làm ba phần:

PHẦN I. EM HỌC CHỮ CÁI.

Trước hết, quý Thầy Cô viết các chữ cái lên bảng và cho các em đọc theo ba lần. Sau đó nhìn vào sách đọc lại.

Thầy Cô cho các em nhận biết mặt chữ theo hai giai đoạn sau:

- 1- Mỗi em cần có một bảng con (như loại bảng lite board). Thầy Cô đọc chữ cái cho các em viết lên bảng con, xong đưa cao bảng lên để tiện theo dõi.
- 2- Thực tập ngay trong sách có hình vẽ thích hợp với câu ngắn. Thầy Cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ cái tìm thấy trong câu (xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). ***Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.***

Trong các bài học ôn, chúng tôi gắng viết những câu ngắn với các từ mà các em đã học (chỉ gồm hai chữ cái).

Các bài này còn được dùng để Thầy Cô đọc chính tả hay soạn bài thi cho các em.

PHẦN II. EM RÁP VẦN VÀ ĐẶT CÂU.

- 1- **Em ráp vần:** Thầy Cô viết các từ đã ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.
Thí dụ: Từ **ba** đánh vần **bờ-a-ba**.
Thầy Cô gọi vài em đứng lên tự đánh vần để kiểm soát.
- 2- **Tập đặt câu:** Với mỗi từ, chúng tôi đặt một câu ngắn kèm theo. Thầy Cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. ***Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này.*** Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ngắn ấy.
Thí dụ: Trong câu: **ba bà đi chợ** các em khoanh tròn từ **ba** đã học ở trên. Những câu ngắn này sẽ giúp các em tập đặt câu và làm luận văn ở những lớp cao hơn.
- 3- **Em tập viết:** Thầy Cô hãy dặn các em vừa viết vừa đọc đủ nhỏ cho chính các em nghe. Em nào chép xong đưa tay lên để khuyến khích các em khác viết nhanh hơn cho kịp bạn.
- 4- **Bài hát và học thuộc lòng:** Không những đã học đầy đủ 23 chữ cái, các em lại còn được dạy thêm một số bài học thuộc lòng xen kẽ với những bài hát ngắn để khích lệ các em vui học trong lớp.

PHẦN III. BÀI LÀM

- 1- **Bài làm trong lớp:** Chúng tôi dùng một số hình vẽ và từ đã học trong phần I và II. Các em sẽ chọn chữ có sẵn ở góc trái mỗi ô hình để điền vào chỗ trống trong câu cho đúng. Nhờ hình vẽ các em dễ thuộc bài học hơn.
- 2- **Bài làm ở nhà:** Phần này cũng đơn giản, cố sao cho các em tự làm được ở nhà. Trang đầu là tập viết các chữ cái và từ đã học. Trang sau là các hình vẽ với những tiếng còn thiếu chữ cái, các em cũng sẽ chọn chữ có sẵn ở góc trái ô hình để điền vào chỗ trống. Trong các bài học ôn, các em sẽ chọn và viết từ hoặc câu văn ngắn thích hợp cho mỗi hình vẽ.

Phần này còn có thêm một tập riêng có in tên và ngày tháng dùng cho học sinh điền tên và ngày tháng vào rồi làm bài trên đó. Học sinh lấy bài làm ra khỏi tập để nộp cho Thầy Cô vào tuần tới.

Ngoài ra ở cuối mỗi bài học thường có một câu tục ngữ. Thí dụ ở cuối bài 1 có câu: **Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời.** Thầy Cô đọc cho các em nghe và giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ ấy. Phần giải nghĩa các câu tục ngữ có ở cuối sách.

Chúng tôi ước mong tập sách nhỏ này sẽ giúp quý Thầy Cô dễ dàng hơn trong các buổi dạy vỡ lòng cho các em còn rất nhiều bỡ ngỡ với tiếng Việt.

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose



ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.
Tiếng Việt có 23 chữ cái:
a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).
Đề ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:
- 12 nguyên âm: *a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.*
- 17 phụ âm đơn: *b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.*
- 11 phụ âm ghép: *ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.*
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *a, o, ui, iêt, ong, iêng, ươn* v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: *A! bông hoa đẹp quá.*

Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.

Thí dụ:
- *A, ba, nhà* là ba từ đơn.
- *Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng* là bốn từ ghép.

Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả

(Thầy cô tùy nghi áp dụng về các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn quâ nhớ kẻ trởng cây.
- Gân mưc thì đen, gân đèn thì rang.

2) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị Thuy bỏ keo vào túi áo.
- Cái răng cái tóc là vóc con người.

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đằng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cụ Toàn thích ăn oản.
- Nuớc Việt Nam có ba miền : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương người đồng loại.
- Ông bà ngoai em có lòng đoai thương người thieu ăn, thieu mặc.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (˘) hoặc có dấu nặng (•) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

*“ Em Huyền (˘) mang Nặng (•) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (´) thuộc Hỏi (?) đau chỗ nào”.*

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hòa hoãn, Thở thân

C- Viết Chính Tả Với Chữ I và Y

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này.

Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyên cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y. Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ **i** khi **i** ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

lý do
địa lý
đi tỵ nạn
một tỷ đồng
v. v. . .

Nay sẽ viết:

lí do
địa lí
đi tị nạn
một tỉ đồng

II. Về chữ **y**.

Chỉ viết chữ **y** dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ **y**) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú y	ngồi y
y kiến	y phục
y lại	v. v. . .

2. Tuy **y** và **i** đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm **y** dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm **i** ngắn được như :

● Từ có vần:		● Từ có vần:
nước chả y (ay)	không thể viết	nước chả i (ai)
ngày na y (ay)	không thể viết	ngày na i (ai)
say tú y lú y (uy)	không thể viết	say tú i lú i (ui)
cô Thú y (uy)	không thể viết	cô Thú i (ui)
v. v. . .		

3. Với **y** dài hay **i** ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu Í	(tên nhà văn)
Lý Thường Kiệt	(tên một danh tướng)
Mỹ Tho	(tên một tỉnh)
Mỹ Quốc	(tên một nước)
v. v. . .	

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết **i** ngắn và khi nào viết **y** dài.



23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A a	B b	C c	D d	Đ đ	E e	G G	H h
I i	K k	L l	M m	N n	O o	P P	Q q
R r	S s	T t	U u	V v	X X	Y y	

THÊM DẤU

* Dấu mũ: **^** * Dấu á: **ˇ** * Dấu móc: **ʼ**

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A a	Ă á	Â ớ	B bờ	C cờ	D dờ	Đ đờ	E e
Ê ê	G gờ	H hờ	I i	K ca	L lờ	M Mờ	N nờ
O o	Ô ô	Ơ ơ	P pờ	Q quờ	R rờ	S sờ	T tờ
U u	Ư ư		V vờ	X xờ	Y i-cờ-rét		

12 nguyên âm đơn

A	Ă	Â	E	Ê	I
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ớ</i>	<i>e</i>	<i>Ê</i>	<i>i</i>
O	Ô	Ơ	U	Ư	Y
<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>u</i>	<i>Ư</i>	<i>i-cờ-rét</i>

11 phụ âm ghép

CH	GH	GI	KH
<i>chờ</i>	<i>gờ-hát</i>	<i>giờ</i>	<i>khờ</i>

NG	NGH
<i>ngờ</i>	<i>ngờ-hát</i>

NH	PH	QU	TH	TR
<i>nhờ</i>	<i>phờ</i>	<i>quờ</i>	<i>thờ</i>	<i>trờ</i>

Tiêu Chuẩn cho Học Sinh Cấp 2

- Đọc và viết thông thạo: phụ âm kép của tiếng Việt Nam (ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr)
- Ráp vần và đặt câu bằng miệng
- Học thuộc lòng
- Tập đọc đoạn văn ngắn
- Làm bài và nộp bài đầy đủ và đúng kì hạn do thầy cô yêu cầu
- Hoàn tất 2 kì thi : học kì 1 và học kì 2

Bài ôn cấp 1

- Em học dấu:



sắc



huyền



hỏi



ngã



nặng

- Em học vần.

Chữ cái: **a ă â b c d e ê i**

Phát âm: a á ớ bờ cờ dờ e ê i

Chữ cái: **đ g h k c m n o ô**

Phát âm: đờ gờ hờ ca lơ mờ nờ ô ô

Chữ cái: **ơ p ph q qu r s t u**

Phát âm: ơ pờ phờ quờ quờ rờ sờ tờ u

Chữ cái: **ư v x y**

Phát âm: u vờ xờ i-cờ-rét

- Tập đọc có vần:

Em rập vần + Đặt câu:

b + é → bé - bé có cá rô.

c + ó → có - ba có lá cờ.

g + à → gà - mẹ có gà cồ.

đ + i → đi - dì đi đò về.

d + ê → dê - dê đã no nê.

m + ẹ → mẹ - bò mẹ đi xa.

- s + ò → sò - bé vẽ vở sò
- ph + ê → phê - ba pha cà phê
- qu + ê → quê - bà đã về quê
- t + ủ → tủ - cô mở tủ gỗ
- x + e → xe - xe cũ để hư

• **Chính tả:**


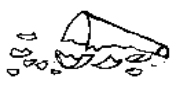




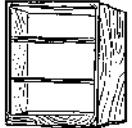


Thầy cô chọn 5 câu ở trên để đọc cho các em viết chính tả

- Em hãy tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

bí ọ
em bé
li bẽ

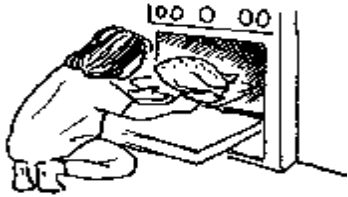
cà chua
ô tô
kệ gỗ

cổ áo
gã hề
ba lô

1.  _____	2.  _____	3.  _____
4.  _____	5.  _____	6.  _____
7.  _____	8.  _____	9.  _____

- Em đánh dấu x vào ô vuông câu thích hợp với hình vẽ và chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn

1.



- Má bỏ bí vào tủ.
- Má bỏ gà vào lò.
- Má để li lên kệ.

.....

2.



- Xe vô ga ra.
- Xe ba bị hư.
- Xe ô tô cũ xì.

.....

3.



- Bé ăn no nê.
- Mẹ đi từ từ.
- Mẹ bế em bé.

.....

4.



- Tý vẽ cá rô.
- Bố đi câu cá.
- Bố đi xa về.

.....

Bài Một

• Em học ôn:

Dấu:



sắc



huyền



hỏi



ngã



nặng

Chữ cái:

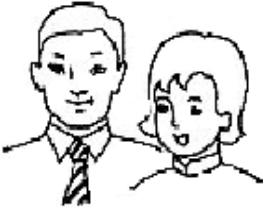





a ã â b c d đ h

Phát âm: a á ó bờ cờ dờ đờ hò

• Em hoặc ghép chữ:

c + h = ch (chờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Ch ẹ</p>  <p><u>Ch</u>a <u>mẹ</u> <u>Ch</u>i</p>	<p>2. Ch i</p>  <p>Ch<i>i</i> đi chợ</p>	<p>3. Ch ộ</p>  <p>Ch<i>a</i> chạy bộ</p>
<p>4. Ch à</p>  <p>Chú cho Ch<i>i</i> quà</p>	<p>5. Ch B</p>  <p>Chữ A, chữ B</p>	<p>6. Ch ữ</p>  <p>Chó dữ</p>

• Em ráp vần:

ch + a = cha

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

cha

chờ-a-cha

chà

chờ-a-cha-huyền-chà

chả

chờ-a-cha-hỏi-chả

chã

chờ-a-cha-ngã-chã

chạ

chờ-a-cha-nặng-chạ

• Em ráp vần + Đặt câu:

- ch
- a: cha - Em yêu mến mẹ **cha**.
 - à: chà - Ba mua hộp chà là.
 - ả: chả - Chi mua nem mua chả.
 - ã: chã - Nước mưa rơi lã chã.¹
 - ạ: chạ - Không nên để chung chạ.²

¹ Lã chã : Từng giọt và nhiều, tuôn ra liên liên không dứt.

² Chung chạ : Để chung lại với nhau, lộn xộn không phân biệt.

• Em ráp vần:

ch + i = chi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

chi

chờ-i-chi

chí

chờ-i-chi-sắc-chí

chì

chờ-i-chi-huyền-chì

chỉ

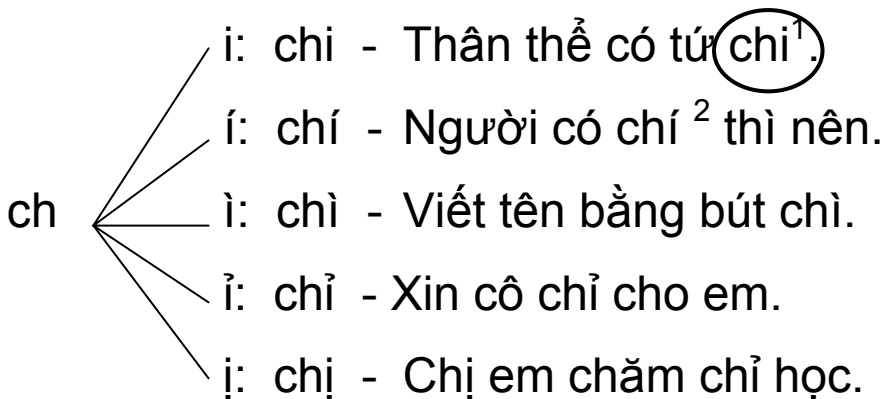
chờ-i-chi-hỏi-chỉ

chị

chờ-i-chi-nặng-chị

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Tứ chi : Hai chân và hai tay.

² Người có chí : Người có quyết tâm làm việc gì tốt đẹp.

● **Em tập đặt câu.**

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - chà là Chị cho Chi _____

b - Chị cho em

a - che chở Cha _____ cho em.

b - Cha mẹ

a - chở cá Dì cho em _____

b - Em ăn

a - che dù Má _____ cho Chi.

b - Dù để che

a - chợ xa Bà em đi _____

b - Dì Ba đi

Có chí thì nên.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

- **Em học thuộc lòng.**

Em Yêu Mến

Em có ông bà,
Và có mẹ cha.
Anh chị một nhà,
Yêu mến thiết tha.



• **Bài làm trong lớp.**

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Chú hề

Cha mẹ Chi

Cà chua

Chó dữ

Chi học chữ

Mẹ đi chợ

Chị em Chi

Chú vẽ sò

Cha vô sở.

<p>1.</p>  <p>_____</p>	<p>2.</p>  <p>_____</p>	<p>3.</p>  <p>_____</p>
<p>4.</p>  <p>_____</p>	<p>5.</p>  <p>_____</p>	<p>6.</p>  <p>_____</p>
<p>7.</p>  <p>_____</p>	<p>8.</p>  <p>_____</p>	<p>9.</p>  <p>_____</p>

Bài Hai

- Em học ôn:

Chữ cái:


e ê g h i k l

Phát âm: e ê gờ hờ i ca lờ

- Em học ghép chữ:

g + h = gh (gờ-hát)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Gh ò</p>  <p>Ghe ò</p>	<p>2. Gh ụ</p>  <p>Ghế gỗ ụ</p>	<p>3. Gh ợ</p>  <p>Ghê sợ ghẻ lở</p>
<p>4. Gh ơ</p>  <p>Ghi ơn cha mẹ</p>	<p>5. Gh ê</p>  <p>Ghi tên vô lớp</p>	<p>6. Gh ì</p>  <p>Ghì tay lên vở</p>

• Em ráp vần:

gh + e = ghe

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

ghe

gờ-hát-e-ghe

ghé

*gờ-hát-e-ghe
sắc-ghé*

ghè

*gờ-hát-e-ghe
huyền-ghè*

ghẻ

*gờ-hát-e-ghe
hỏi-ghẻ*

ghẽ

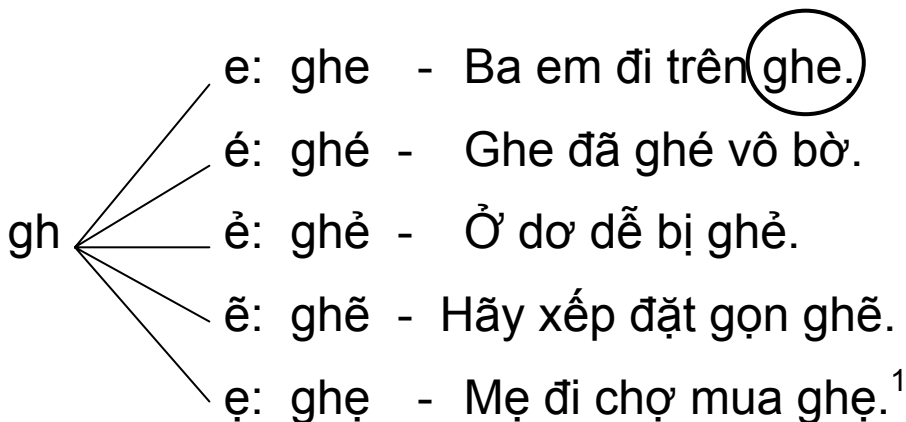
*gờ-hát-e-ghe
ngã-ghẽ*

ghe

*gờ-hát-e-ghe
nặng-ghe*

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



Chú ý: Phụ âm ghép **gh** chỉ ráp được với các nguyên âm e, ê, i.

Phụ âm đơn **g** ráp được với các nguyên âm a, i, o, ô, ơ, u, ư.

¹ Con ghe : Một loại cua biển.

• Em ráp vần:

gh + i = ghi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

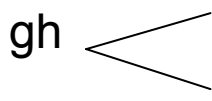
ghi

gờ-hát-i-ghi

ghì

gờ-hát-i-ghi-huyền-ghì

• Em ráp vần + Đặt câu:

gh  i: ghi - Lời cha con xin ghi.
ì: ghi - Mẹ ôm ghi em bé.

• Em ráp vần:

gh + ê = ghê

ghê

gờ-hát-ê-ghê

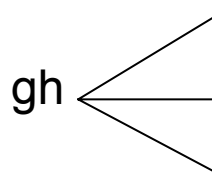
ghế

gờ-hát-ê-ghê-sắc-ghế

ghề

gờ-hát-ê-ghê-huyền-ghề

• Em ráp vần + Đặt câu:

gh  ê: ghê - Bé thấy cạp sọ ghê.
ế: ghế - Bà bế bé lên ghế.
ề: ghề - Đường đất quá gồ ghề.¹

¹ Gồ ghề : Không bằng phẳng, lồi lõm.

• **Em tập đặt câu.**

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - ghé gõ gụ Chú Ba có _____

b - Ghé gõ

a - chị ăn gẹ Cha mẹ cho _____

b - Em ăn gẹ

a - ghê sợ Em _____ chó dữ.

b - Ghê sợ

a - ghi tên em Cô đã cho _____ vào lớp.

b - Ghi ơn

a - ghì em bé Mẹ _____

b - Ghì tay

***Thương người như
thể thương thân***

• **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

• **Em học hát.**

Hò Leo Núi

Anh, em dô ta
Hăng hái hò reo dô ta
Vượt sông, vượt núidô ta
Vượt bao nhiêu đèodô ta
Dô tà, dô tà, là hò dô ta, dô ta.

• **Bài làm trong lớp.**

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Ba đi ghe
Má ghì em bé
Ghê sợ hổ dữ

Em ngồi ghé
Ghi vô sổ
Ghe ghé vô bờ

Ghi ơn cha mẹ
Ghệ bò trên cát
Ghê sợ ghẻ lở

1.  -----	2.  -----	3.  -----
4.  -----	5.  -----	6.  -----
7.  -----	8.  -----	9.  -----

Bài Ba

• Em học ôn:

Chữ cái:



m n o ô ơ p q

Phát âm: mờ nờ o ô ơ pờ quờ

• Em học ghép chữ:

g + i = gi (giờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

1. Gi é  Gia đình bé Chi	2. Gi ú  Giả bộ chú hề	3. Gi ỏ  Gió to đổ cây
4. Gi ả  Giò chả	5. Gi ê  Giỗ tổ tiên	6. Gi ở  Giữ gìn sách vở

• Em ráp vần:

gi + a = gia

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

gia

giờ-a-gia

giá

giờ-a-gia-sắc-giá

già

giờ-a-gia-huyền-già

giả

giờ-a-gia-hỏi-giả

giã

giờ-a-gia-ngã-giã

giạ

giờ-a-gia-nặng-giạ

• Em ráp vần + Đặt câu:

- gi
- a: gia - Chú em là sử gia.¹
 - á: giá - Giá nhà lên cao quá.
 - à: già - Ông bà em đã già.
 - ả: giả - Chớ mua làm đồ giả.
 - ã: giã - Lấy chày² để giã gạo.
 - ạ: giạ - Cái giạ³ để đong lúa.

¹ Sử gia: Người viết sử.

² Chày : Vật dụng để giã gạo.

³ Cái giạ : Vật dụng để đong lúa.

• Em ráp vần:

gi + o = gio

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

gio

giờ-o-gio

gió

giờ-o-gio-sắc-gió

giò

giờ-o-gio-huyền-giò

giở

giờ-o-gio-hỏi-giở

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- gi
- o: gio - Em thích ăn bánh **gio**.¹
 - ó: gió - Hôm nay có gió to.
 - ò: giò - Bánh mì có kẹp giò.
 - ở: giở - Hái hoa để vào giở.



¹ Bánh gio: Bánh tro, một loại bánh làm bằng bột gạo nếp.

Em tập đặt câu.

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - bà già Ba _____ đi chợ.

b - Đã già

a - Chi từ giã _____ mẹ cha.

b - Em giả bộ

a - đi ăn giỗ Bố mẹ _____

b - Đi ăn giỗ

a - Gió to _____ đổ nhà.

b - Giò chả

a - giá rẻ rẻ Đồ cũ _____

b - Xe ô tô cũ

***Gần mực thì đen,
Gần đèn thì sáng***

Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

• Em học thuộc lòng.

Gà Gáy

Gà cồ hay gáy.
Gà mái hay la.
Gác cửa giữ nhà,
Là con chó mực¹.
Ngủ gà ngủ gật,
Là con mèo mun².

(Em học vần lớp Năm)

¹ Chó mực: Chó có lông màu đen.

² Mèo mun: Mèo có lông màu đen.

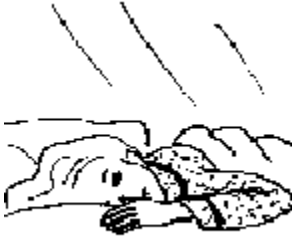


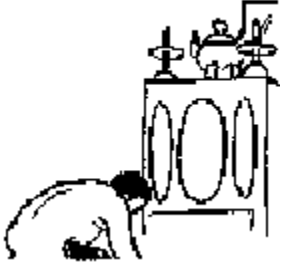
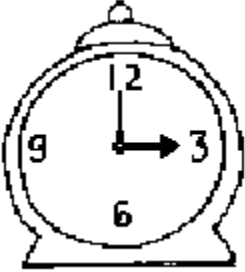




• **Bài làm trong lớp.**

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Bà em đã già
Bé từ giã mẹ
Bà lễ tổ

Gió to đổ cây
Em giả bộ ngủ
Xe cũ giá rẻ

Chi ăn giá
Tú ăn chả giò
Ba giờ đúng.

<p>1.</p>  <p>-----</p>	<p>2.</p>  <p>-----</p>	<p>3.</p>  <p>-----</p>
<p>4.</p>  <p>-----</p>	<p>5.</p>  <p>-----</p>	<p>6.</p>  <p>-----</p>
<p>7.</p>  <p>-----</p>	<p>8.</p>  <p>-----</p>	<p>9.</p>  <p>-----</p>

Bài Bốn

- Em học ôn chữ ghép:

ch

Phát âm : chờ





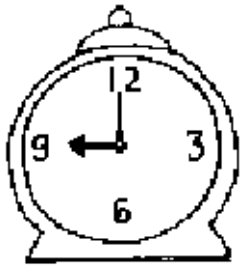

gh

gờ-hát

gi

giờ

Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

<p>1. Ch ữ</p>  <p>Chó dữ</p>	<p>2. Ch ù</p>  <p>Che dù</p>
<p>3. Gh ò</p>  <p>Ghe đò</p>	<p>4. Gh ế</p>  <p>Ghế gỗ</p>
<p>5. gi ò</p>  <p>9 giờ</p>	<p>6. Gi ả</p>  <p>Giò chả</p>

- Em ráp vần với chữ ghép **ch** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ch + a	cha mẹ, chả giò
ch + e	che dù, che chở
ch + i	chị em, chỉ chỗ
ch + o	cho quà, đi chợ
ch + u	chú Tư, chủ xe

- **Em tập đặt câu.**

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... cha mẹ em đi

..... mẹ che dù cho

..... chị em có

..... em đi chợ với

..... chú Tư cho em

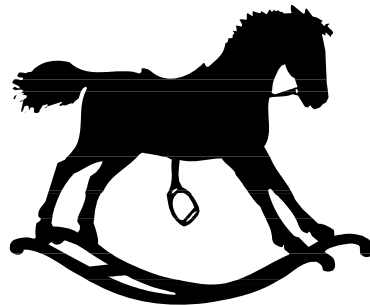
- Em ráp vần với chữ ghép **gh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
gh + e	ghe đò, ghé bờ
gh + ê	ghê sợ, ghé gỗ
gh + i	ghi sỏ, ghì em bé

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ghe đò ghé
..... ghé gỗ màu
..... ghê sợ
..... cô ghi sỏ
..... mẹ ghì



- Em ráp vần với chữ ghép **gi** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
gi + a	cụ già, giá rẻ
gi + o	gió to, giỗ tổ
gi + ư	giữ em, giữ lễ

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... giá rẻ

..... cụ già

..... gió to

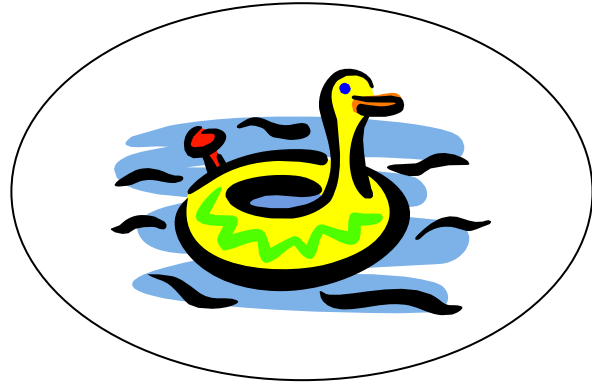
..... đi giỗ tổ

..... giữ em



Em tập đọc.

Cha mẹ đã già.
Cho Chi và Tú.
Về quê chú Tư.
Đi ghe, đi phà.



Ghe ghé vô bờ.
Chi ghé vô chợ.
Chả quế, chả giò.
Giá cả rẻ ghê.

• Em tập hát.

Yêu

Yêu là yêu, chúng mình yêu nhiều.
Yêu là yêu, chúng mình yêu quá.
Yêu là yêu, chúng mình yêu nhiều.
Yêu là yêu, chúng mình quá yêu.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

Bài Năm

• Em học ôn:

Chữ cái:






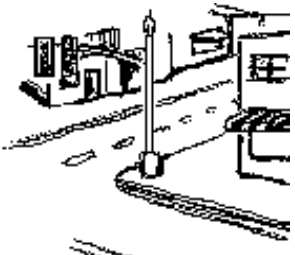
r s t u ư v x y

Phát âm: rờ sờ tờ u ư vờ xờ i-cờ-rét

• Em học ghép chữ:

k + h = kh (khờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Kh ọ</p>  <p>Kha học khá</p>	<p>2. Kh ó</p>  <p>Khe khẽ nói</p>	<p>3. Kh ỏ</p>  <p>Khế trở hoa</p>
<p>4. Kh à</p>  <p>Khỉ già ăn khế</p>	<p>5. Kh i</p>  <p>Khe suối</p>	<p>6. Kh ó</p>  <p>Khu phố</p>

• Em ráp vần:

kh + o = kho

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

kho

khờ-o-kho

khó

khờ-o-kho-sắc-khó

khò

khờ-o-kho-huyền-khò

khỏ

khờ-o-kho-hỏi-khỏ

khọ

khờ-o-kho-nặng-khọ

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- kh
- o: kho - Đức hạnh là **(kho)**tàng.
 - ó: khó - Hãy an ủi kẻ **khó**.
 - ò: khò - Ăn no dễ ngủ **khò**.
 - ỏ: khỏ - Đánh nhẹ gọi là **khỏ**.



• Em ráp vần:

kh + i = khi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

khi

khờ-i-khi

khí

khờ-i-khi-sắc-khí

khì

khờ-i-khi-huyền-khì

khỉ

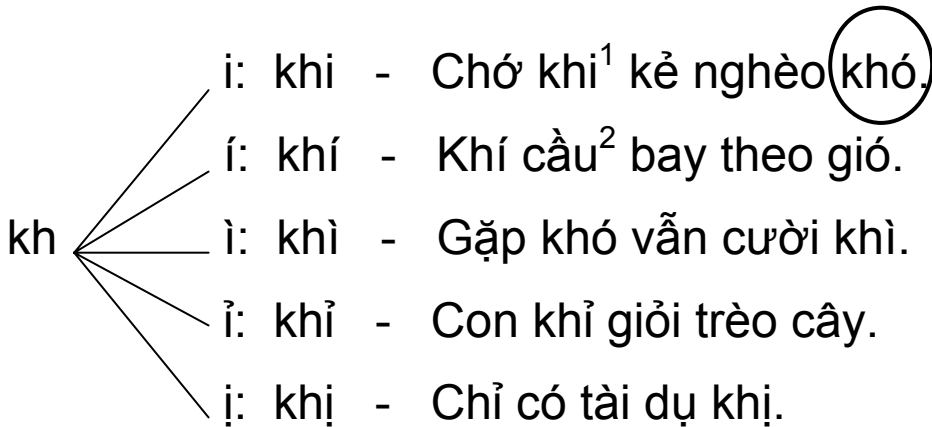
khờ-i-khi-hỏi-khỉ

khị

khờ-i-khi-nặng-khị

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



• Em tập đặt câu.

¹ Khi: Kinh chê, xem không ra gì.

² Khí cầu: Quả cầu chứa khí helium hoặc khí nóng, bay lên được.

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - kể khó Cha mẹ em lo cho _____
b - Kể khó
a - khe khẽ Chị Chi ca _____
b - Khe khẽ
a - Khỉ già _____ ăn khế.
b - Khỉ già
a - già khụ Cụ Cả đã _____
b - Già khụ
a - Cá kho _____ có bỏ cà.
b - Kho cá

Không thầy đố mày làm nên.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

.....
.....
—————
.....
.....
—————
.....
.....
—————
.....
.....
—————
.....
.....
—————
.....
.....
—————
.....
.....
—————
.....
.....
—————
.....
.....
—————
.....
.....
—————

- **Em học thuộc lòng.**

Kẻ Khó

Kẻ khó xót xa,
Đâu có cửa nhà!
Ra đường lam lũ.
Áo quần không đủ.
Lạnh ho khù khụ.
Ai nhủ lòng thương?


• **Bài làm trong lớp.**

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Khỉ đu cây
Khu phố
Đĩa cá kho

Chi ca khe khẽ
Bé ngủ khò
Kha đọc sách

Tử có khe hở
Lá khô rơi
Mẹ kho cá.







<p>1.</p>  <p>-----</p>	<p>2.</p>  <p>-----</p>	<p>3.</p>  <p>-----</p>
<p>4.</p>  <p>-----</p>	<p>5.</p>  <p>-----</p>	<p>6.</p>  <p>-----</p>
<p>7.</p>  <p>-----</p>	<p>8.</p>  <p>-----</p>	<p>9.</p>  <p>-----</p>

Bài Sáu

• Em học ghép chữ:

n + g = ng (ngờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Ng á</p>  <p>Ngà voi to quá !</p>	<p>2. Ng à</p>  <p>Tú ngã u đầu</p>	<p>3. Ng ẹ</p>  <p>Ngõ nhỏ hẹp</p>
<p>4. Ng ì</p>  <p>Nga ngủ li bì</p>	<p>5. Ng u</p>  <p>Ngựa đua</p>	<p>6. Ng á</p>  <p>Ngủ ngáy o,o</p>

• Em ráp vần:

ng + o = ngo

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

ngo

ngờ-o-ngo

ngó

ngờ-o-ngo-sắc-ngó

ngò

ngờ-o-ngo-huyền-ngò

ngỏ

ngờ-o-ngo-hỏi-ngỏ

ngõ

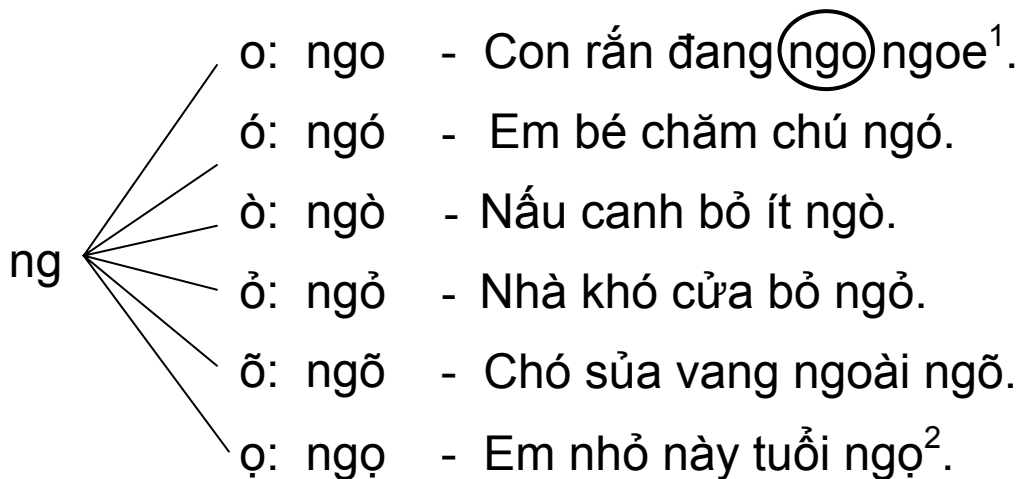
ngờ-o-ngo-ngã-ngõ

ngọ

ngờ-o-ngo-nặng-ngọ

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Ngo ngoe: Cựa quây, động đậy.

² Tuổi ngọ: Tuổi con ngựa.

• Em ráp vần:

ng + ư = ngư

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

ngư
ngờ-ư-ngư

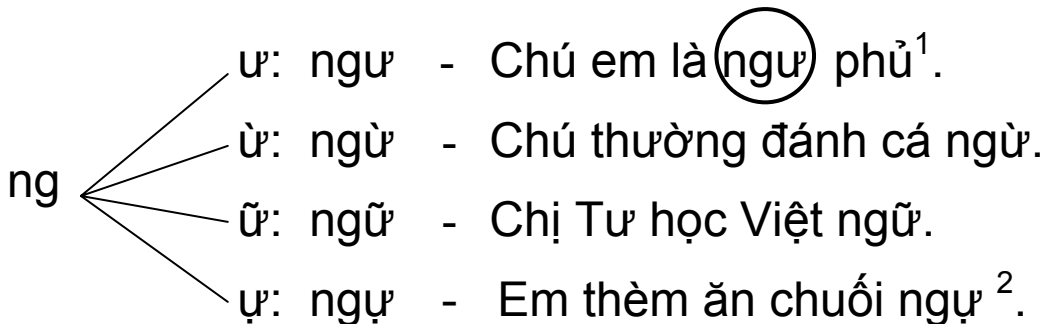
gù
ngờ-ư-ngư-huyền-ngù

ngũ
ngờ-ư-ngư-ngã-ngũ

ngự
ngờ-ư-ngư-nặng-ngự

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

ng 

ư: ngư - Chú em là **(ngư)** phủ¹.

ừ: ngư - Chú thường đánh cá ngư.

ữ: ngũ - Chị Tư học Việt ngữ.

ự: ngự - Em thèm ăn chuối ngự².

• Em tập đặt câu.

¹ Ngư phủ : Người làm nghề chài lưới, đánh cá.

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

- | | |
|---------------------------|-----------------------|
| a - bé ngã | Em _____ u đầu. |
| b - Em ngã | |
| a - ra ngõ | Em đi _____ chờ mẹ. |
| b - Ra ngõ | |
| a - ngủ khì | Em Tý _____ |
| b - Ngủ khì | |
| a - Việt ngữ ² | Em học _____ |
| b - Việt ngữ | |
| a - Cá ngữ | Mẹ kho _____ với khế. |
| b - Cá ngữ | |

Tham thực cực thân.

² Chuối ngự : Một loại chuối nhỏ rất ngọt.

• Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

• Em học hát.

Con Bướm Vàng

Kìa con bướm vàng, (2 lần)
Xòe đôi cánh, xòe đôi cánh.
Tung cánh bay lên cao kìa, (2 lần)
Trong vườn hoa. (2 lần)












• **Bài làm trong lớp.**

Em hãy chọn những từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Bé Chi ngủ khò
Bà đi ra ngõ
Má đang cắt ngò

Em bé ngã
Nga đi học
Voi có ngà to

Chú khỉ ăn ngô
Cá nưừ kho khế
Chú hề ngu ngơ







<p>1.</p>  <p>_____</p>	<p>2.</p>  <p>_____</p>	<p>3.</p>  <p>_____</p>
<p>4.</p>  <p>_____</p>	<p>5.</p>  <p>_____</p>	<p>6.</p>  <p>_____</p>
<p>7.</p>  <p>_____</p>	<p>8.</p>  <p>_____</p>	<p>9.</p>  <p>_____</p>

Bài Bảy

• Em học ghép chữ:

ng + h = ngh (*ng-hát*)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Ngh ọ</p>  <p>Nghé kêu nghe ọ</p>	<p>2. Ngh ã</p>  <p>Nghe nhạc âm ã</p>	<p>3. Ngh ê</p>  <p>Nghỉ hè vui ghê</p>
<p>4. Ngh ỡ</p>  <p>Nghề võ Bình Định</p>	<p>5. Ngh ô</p>  <p>Nghệ khô</p>	<p>6. Ngh á</p>  <p>Nghề đánh cá</p>

• Em rập vần:

ng h + i = nghi

Thầy cô viết các từ được rập vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

nghi

ngờ-hát-i-nghi

ng hí

*ngờ-hát-i-nghi-
sắc-ng hí*

ng ì

*ngờ-hát-i-nghi-
huyền-ng ì*

ng ỉ

*ngờ-hát-i-nghi-
hỏi-ng ỉ*

ng ỹ

*ngờ-hát-i-nghi-
ngã-ng ỹ*

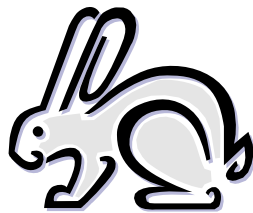
ng ị

*ngờ-hát-i-nghi-
nặng-ng ị*

• Em rập vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- ng h
- i: nghi - Chớ vội ng ì ngờ ai.
 - ỉ: ng ỉ - Dì em đi ng ỉ hè.
 - ỹ: ng ỹ - Vừa nghe vừa suy ng ỹ.
 - ị: ng ị - Ông ta là ng ị sĩ ¹.



¹ Nghị sĩ : Người đại diện do dân chúng bầu vào quốc hội.

• Em rập vần:

ng h + e = nghe

Thầy cô viết các từ được rập vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

nghe
ngờ-hát-e-nghe

nghe
*ngờ-hát-e-nghe-
sắc-nghe*

nghe
*ngờ-hát-e-nghe-
huyền-nghe*

nghe
ngờ-hát-ê-nghe

nghe
*ngờ-hát-ê-nghe-
huyền-nghe*

nghe
*ngờ-hát-ê-nghe-
nặng-nghe*

• Em rập vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

ng h $\left\{ \begin{array}{l} e: \text{ nghe} - \text{Cái tai dùng để } \textcircled{\text{nghe}}. \\ é: \text{ nghe} - \text{Trâu con gọi là nghe}. \end{array} \right.$

ng h $\left\{ \begin{array}{l} è: \text{ nghe} - \text{Cô em có nghe may}. \\ ê: \text{ nghe} - \text{Củ khoai vàng như nghe}. \end{array} \right.$

• **Em tập đặt câu.**

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

- | | |
|-----------------|--------------------------|
| a - nghi ngờ | Chớ có _____ ai. |
| b - Nghi ngờ | |
| a - nghĩ hè | Cha mẹ về quê _____ |
| b - Nghĩ hè | |
| a - nghe cha mẹ | Chị em Tý _____ |
| b - Nghe lời | |
| a - nghe mẹ | Chị Chi _____ ru bé ngủ. |
| b - Nghe cha | |
| a - Con nghe | _____ kêu nghe ngo. |
| b - Nghĩ gì | |

***Nhất nghệ tinh,
Nhất thân vinh.***

Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

- **Em học thuộc lòng.**

Nghề Nghiệp

Ai cũng có nghề.
Để lo sinh sống.
Gắng công em học.
Nghề được giới giang.
Ích cho xã hội,
Vinh quang một đời.










• **Bài làm trong lớp.**

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Về quê nghỉ hè
Tai để nghe
Nghé ăn cỏ

Củ nghệ khô
Mẹ lo nghĩ
Bé nghe mẹ ru

Cụ nghị sĩ
Nghé bú mẹ
Bé nghĩ về ba

<p>1.</p>  <p>_____</p>	<p>2.</p>  <p>_____</p>	<p>3.</p>  <p>_____</p>
<p>4.</p>  <p>_____</p>	<p>5.</p>  <p>_____</p>	<p>6.</p>  <p>_____</p>
<p>7.</p>  <p>_____</p>	<p>8.</p>  <p>_____</p>	<p>9.</p>  <p>_____</p>

Bài Tám

- Em học ôn chữ ghép:

kh

Phát âm : khờ







ng

ngờ

ngh

ngờ-hát

Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

<p>1. Kh â</p>  <p>Khỉ đu cây</p>	<p>2. Kh ồ</p>  <p>Khế trổ hoa</p>
<p>3. Ng i</p>  <p>Ngà voi</p>	<p>4. Ng ò</p>  <p>Nga ngủ khò khò</p>
<p>5. Ngh ê</p>  <p>Nghé kêu nghé ngo</p>	<p>6. Ngh ạ</p>  <p>Nghe nhạc</p>

- Em ráp vần với chữ ghép **kh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
kh + a	kha khá, khề khà
kh + e	khe khẽ, ăn khế
kh + o	kho cá, khò khè
kh + u	khù khờ, khù khụ

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ca kha khá
 ru khe khẽ
 thở khò khè
 kho cá ngừ
 ho khù khụ



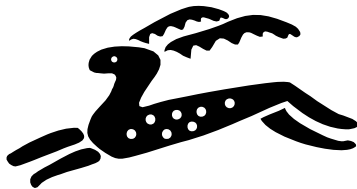
- Em ráp vần với chữ ghép **ng** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ng + a	ngà voi, té ngã
ng + o	bỏ ngo, ra ngo
ng + u	ngu ngo, ngủ khi
ng + ư	cá ngư, Việt ngữ

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ngà voi to
..... bé ra ngo
..... ngủ khi
..... kho cá với khế
..... học Việt ngữ



- Em ráp vần với chữ ghép **ngh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ngh + e	nghe mẹ, ghé ngõ
ngh + ê	nghề vẽ, củ nghệ
ngh + i	nghi ngờ, nghỉ hè

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... nghe cha mẹ

..... nghề vẽ

..... ghé kêu

..... nghi ngờ

..... nghỉ hè



- **Em tập đọc.**

Nghe vẽ nghe ve.

Nghe cha nghe mẹ.

Về quê nghĩ hè.

Khi đi khi nghỉ.

Nghĩ mà vui ghê.

- **Em học hát.**

Con Voi

Con vòi con voi.

Cái vòi đi trước.

Hai chân trước đi trước.

Hai chân sau đi sau.

Còn cái đuôi đi sau chót.



- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

Kì thi giữa khóa

Bài thi mẫu cấp 2

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I. Ráp vần (10 điểm).

Ráp vần với 3 chữ ghép.

Thí dụ:

Chữ ghép	Viết ba từ cho mỗi chữ ghép		
gh	ghé gỗ	gh	ghé gỗ
ch	che dù	ch	che dù
gi	gi
ng	ng

II. Chính tả (39 điểm)

Lựa 13 câu của bài "Em Tập Đọc" số 4 và 8.

Thí dụ:

1. Ăn no để ngủ khò.
2.
3.
-
14.

III. Chọn từ (27 điểm).

Chọn những từ sau đây để viết dưới hình vẽ cho thích hợp.

Thí dụ:

chó dữ, ngủ khò, cụ già quả khế, cá ngừ, che dù.

1. hình vẽ _____	2. hình vẽ _____	3. hình vẽ _____
4. hình vẽ _____	5. hình vẽ _____	6. hình vẽ _____
7. hình vẽ _____	8. hình vẽ _____	9. hình vẽ _____

IV. Tập đọc và viết lại (24 điểm).

A. Khoanh tròn từ đúng chính tả trong cột A hay B. Sau đó chép lại từ vừa khoanh vào chỗ trống.

Thí dụ:

Cột A Cột B

1. Ăn no dễ ngủ khò

khó

khò

2.

.....

.....

3.

.....

.....

4.

.....

.....

5.

.....

.....

.....

.....

.....

13.

.....

.....

B. Gạch dưới từ thích hợp trong ngoặc để viết vào chỗ trống.

Thí dụ:

(kẻ khó, về quê, đi chợ)
Em chớ khi kẻ khó

1. (nghỉ hè, nghe lời, nghĩ gì)

Chị em Tâm cha mẹ.

2. (..... , ,)

.....

3. (..... , ,)

.....

13. (..... , ,)







.....

Bài Chín

- Em học ghép chữ:

n + h = nh (nhờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Nh ỗ</p>  <p>Nhà gỗ nhỏ</p>	<p>2. nh o</p>  <p>Chùm nho</p>	<p>3. Nh ả</p>  <p>Nhị nhí nhảnh</p>
<p>4. Nh ờ</p>  <p>Nhi đồng ca</p>	<p>5. Nh ữ</p>  <p>Nha sĩ chữa răng</p>	<p>6. Nh ư</p>  <p>Nhẹ như lông</p>

• Em ráp vần:

nh + a = nha

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

nha

nhờ-a-nha

nhá

nhờ-a-nha-sắc-nhá

nhà

nhờ-a-nha-huyền-nhà

nhả

nhờ-a-nha-hỏi-nhả

nhã

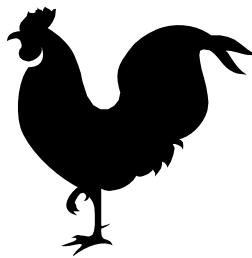
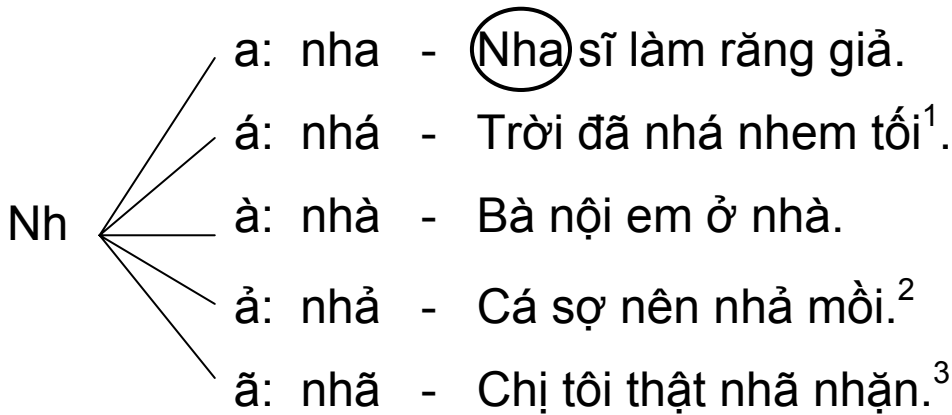
nhờ-a-nha-ngã-nhã

nhạ

nhờ-a-nha-nặng-nhạ

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Nhá nhem tối : Trời sắp tối.

² Nhả mồi : Bỏ đồ ăn đã ngậm trong miệng ra.

³ Nhã nhặn : Lễ độ, từ tốn.

• Em ráp vần:

nh + i = nhi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

nhi

nhờ-i-nhi

nhí

nhờ-i-nhi-sắc-nhí

nhì

nhờ-i-nhi-huyền-nhì

nhỉ

nhờ-i-nhi-hỏi-nhỉ

nhĩ

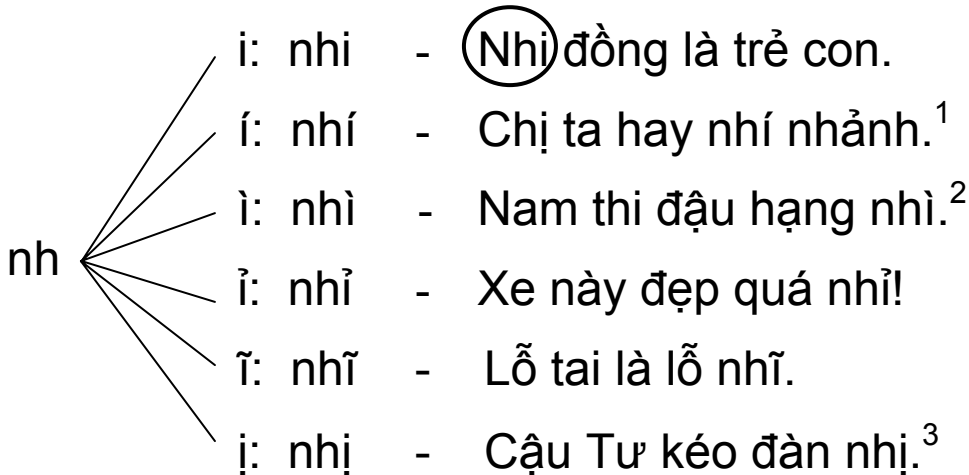
nhờ-i-nhi-ngã-nhĩ

nhị

nhờ-i-nhi-nặng-nhị

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Nhí nhảnh : Vui vẻ, liến thoắng.

² Hạng nhì : Hạng thứ hai.

³ Đàn nhị : Loại đàn kéo có hai dây.

● **Em tập đặt câu.**

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a- nho đỏ : Bà cho em Nhi ăn _____

b- Bé nhỏ :

a- nghỉ hè : Cha mẹ về quê _____

b- Nghỉ hè :

a- nghe cha mẹ : Chị em Tý _____

b- Nghe lời :

a- nghe mẹ : Chị Chi _____ ru bé ngủ.

b- Nghe cha :

a- Con nghe : _____ kêu nghe ngọ.

b- Nghĩ gì :

Kiến tha lâu đầy tổ.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

- **Em học thuộc lòng.**

Bé Nhỏ Nhẹ

Bé Nhi nhỏ nhẹ.
Nghe lời mẹ cha.
Tan học về nhà.
Phụ bà dọn dẹp.
Nói năng lễ phép.
Giữ nét nhu hòa.
Cả nhà yêu mến.









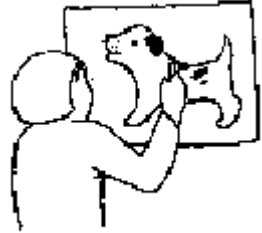
• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Bà cho bé nho
Cá to quá nhỉ!
Mẹ đi nè nhẹ

Nhà bé ở xa Cá
Chú Ba nhỏ cở
Em vẽ chó nhỏ

sợ nhà mồi
Ba là chủ nhà
Đi xa quê nhà







1.  -----	2.  -----	3.  -----
4.  -----	5.  -----	6.  -----
7.  -----	8.  -----	9.  -----

Bài Mười

• Em học ghép chữ:

p + h = ph (phờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Ph à</p>  <p>Phi pha cà phê</p>	<p>2. Ph á</p>  <p>Phở nóng ngon quá!</p>	<p>3. Ph ế</p>  <p>Phụ mẹ làm bếp</p>
<p>4. Ph ờ</p>  <p>Phi trường San José</p>	<p>5. Ph ợ</p>  <p>Pho tượng Phật</p>	<p>6. Ph ẫ</p>  <p>Phú phe phẩy quạt</p>

• Em ráp vần:

ph + i = phi

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

phi

phờ-i-phi

phí

phờ-i-phi-sắc-phí

phì

phờ-i-phi-huyền-phì

phỉ

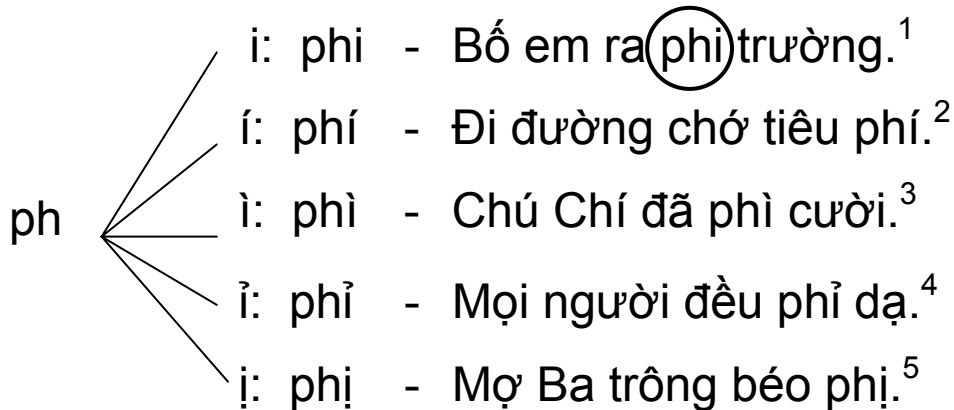
phờ-i-phi-hỏi-phỉ

phị

phờ-i-phi-nặng-phị

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



1. Phi trường: Nơi máy bay lên xuống, sân bay.

2. Tiêu phí: Xài tiền vào việc không cần thiết.

3. Phì cười: Bật lên cười.

4. Phỉ dạ: Thỏa dạ, bằng lòng.

5. Béo phị: Béo phệ, rất mập mạp.

• Em rập vần:

ph + u = phu

Thầy cô viết các từ được rập vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

phu

phờ-u-phu

phú

phờ-u-phu-sắc-phú

phù

phờ-u-phu-huyền-phù

phủ

phờ-u-phu-hỏi-phủ

phũ

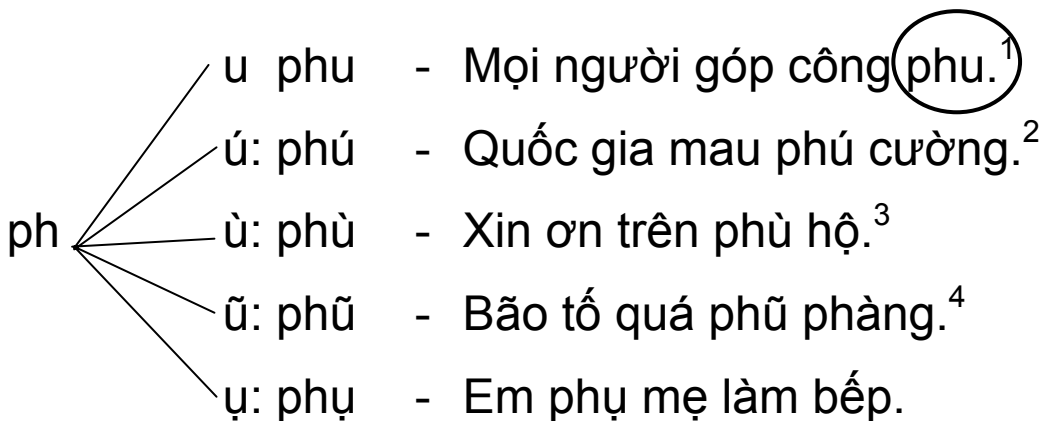
phờ-u-phu-ngã-phũ

phụ

phờ-u-phu-nặng-phụ

• Em rập vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



1. Công phu: Công sức để làm một việc gì.

2. Phú cường: Giàu mạnh.

3. Phù hộ: Che chở, bảo bọc.

4. Phũ phàng: Hung dữ, thô bạo.

• **Em tập đặt câu.**

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - cà phê Cha pha _____ cho mẹ.

b - Cà phê

a - đi phà Chị em bé Phi _____ về quê.

b - Đi phà

a - ăn phở Cả nhà em Phú đi phố _____

b - Ăn phở

a - phì phò Ba bà già đi chợ xa thờ _____

b - Phì phò

a - bơ phờ Cụ Phó đi xa mệt _____

b - Bơ phờ

***Cây có cội,
nước có nguồn.***

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

- **Em học hát.**

Con Chó

Nhà em có nuôi một con chó.
Trông nó to như con bò.
Sáng nó kêu gâu, gâu, gâu.
Trưa nó kêu gâu, gâu, gâu.
Tối nó kêu gâu, gâu, gâu.




• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Chú thỏ phì phì
Dì Ba đi phố
Khu phố ở xa

Phú và cha mẹ
Ăn mì phủ phê
Chó phá hư đồ

Chở xe qua phà
Ba cho ăn phở
Bố pha cà phê


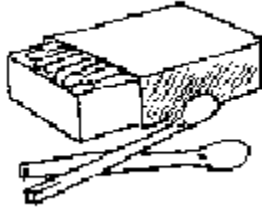




1.  -----	2.  -----	3.  -----
4.  -----	5.  -----	6.  -----
7.  -----	8.  -----	9.  -----

Bài Mười Một

- Em học ghép chữ:

$$q + u = qu \text{ (quờ)}$$

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Qu e</p>  <p>Quạ đen</p>	<p>2. Qu ê</p>  <p>Que diêm</p>	<p>3. Qu à</p>  <p>Quả cà chua</p>
<p>4. Qu â</p>  <p>Quà sinh nhật</p>	<p>5. Qu ẽ</p>  <p>Quỳ lễ Phật</p>	<p>6. Qu y</p>  <p>Quạt máy</p>

• Em ráp vần:

qu + y = quy

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

quy
quờ-i-cờ-rét-quy

quý
quờ-i-cờ-rét-quy
-sắc-quý

quỳ
quờ-i-cờ-rét-quy
-huyền-quỳ

quỷ
quờ-i-cờ-rét-quy
-hỏi-quỷ

quỹ
quờ-i-cờ-rét-quy
-ngã-quỹ

quy
quờ-i-cờ-rét-quy
-nặng-quy

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- qu
- y: quy - Quy luật của thiên nhiên.
 - ý: quý - Học giỏi là rất quý.
 - ỳ: quỳ - Lười học sẽ bị quỳ.
 - ỷ: quỷ - Bé Tâm phá như quỷ.
 - ỹ: quỹ - Hãy góp tiền vào quỹ.
 - ỵ: quy - Coi chừng bị ngã quy.

• Em ráp vần:

qu + ơ = quơ

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

quơ

quờ-ơ-quơ

quớ

quờ-ơ-quơ-sắc-quớ

quờ

quờ-ơ-quơ-huyền-quờ

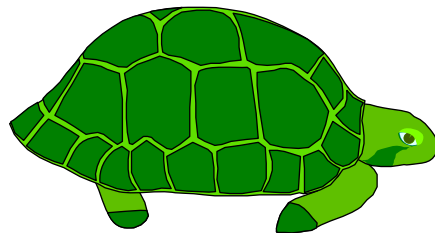
quở

quờ-ơ-quơ-hỏi-quở

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- qu
- ơ: quơ - Tốt xấu gì cũng **quơ**.
 - ớ: quớ - Hết giờ nên em quớ.
 - ờ: quờ - Đêm tối em quờ quạng.
 - ở: quở - Bạn em bị ba quở.



• **Em đặt câu.**

- Câu a : Dùng từ cho sẵn đầu dòng điền vào chỗ trống.
- Câu b : Dùng từ cho sẵn để đặt câu bằng miệng.

a - quà nhỏ Cô Quý cho em _____

b - Quà nhỏ

a - quỳ gối Chờ có phá sẽ bị _____

b - Quỳ gối

a - nhà quê Cha mẹ đi về _____ nghỉ hè.

b - Nhà quê

a - quý giá Chú Tư cho quà _____

b - Quý giá

a - chả quế Ông bà cho em ăn _____

b - Chả quế

Chị ngã em nâng.

- **Chính tả.**

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu a của trang trước.

- **Em học thuộc lòng.**

Bà Em

Bà em đã già.
Tóc bà bạc phơ.
Bà ở quê nhà.
Cách xa ngàn dặm.
Em nhớ bà lắm.
Mong hè về thăm.

Phạm Trung










• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ hay câu thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

Mẹ cho quả lê
Bà xin quẻ xăm
Chân bé bị quỵ

Bé bị ba quở
Bà đã quy y
Đi bộ quá xa

Bà cho quả táo
Em có quà quý
Bà đang ngồi lễ

1.  -----	2.  -----	3.  -----
4.  -----	5.  -----	6.  -----
7.  -----	8.  -----	9.  -----

Bài Mười Hai

- Em học ôn chữ ghép:

nh

Phát âm: nhờ

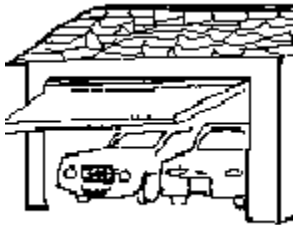





ph

phờ

qu

quờ

Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

<p>1. Nh ễ</p>  <p>Nhà để xe</p>	<p>2. Nh ỏ</p>  <p>Nho đỏ</p>
<p>3. Ph ơ</p>  <p>Phi cơ</p>	<p>4. Ph ò</p>  <p>Phở bò</p>
<p>5. Qu ê</p>  <p>Quả lê</p>	<p>6. Qu ó</p>  <p>Quý gói</p>

- Em ráp vần với chữ ghép **nh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
nh + a	nhà kho, quê nhà
nh + e	nhè nhẹ, ngủ nhè
nh + o	nho nhỏ, nhớ nhà
nh + u	nhu nhú, kho nhừ

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... nhà kho
..... ngủ nhè
..... quà nho nhỏ
..... nhớ nhà
..... mọc nhu nhú



- Em ráp vần với chữ ghép **ph** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ph + a	pha cà phê, qua phà
ph + e	cà phê, bỏ phế
ph + i	phi cơ, phì cười
ph + o	phở gà, bơ phờ

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... qua phà
 pha cà phê
 đi phi cơ
 ăn phở gà
 mệt bơ phờ



- Em ráp vần với chữ ghép **qu** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
qu + a	qua phà, quả lê
qu + e	quê nhà, chả quế
qu + y	quy y, quý giá
qu + o	quơ tay, mẹ quở

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ăn quả lê
..... về quê nhà
..... quy y theo đạo
..... quà quý giá
..... mẹ quở



• **Em tập đọc.**

Cha Phú ở quê nhà.
Phú nhớ nhà nho nhỏ.
Đi qua phà, qua đò.
Nhớ cha pha cà phê,
Mẹ cho giò, chả quế.

Bà cụ Phó quá già,
Nhỏ bé, đi lù khù.
Bà quý chị em Phú.
Cho ăn phở phủ phê,
Cho quà quê quý nhỏ.



• Chính tả.







Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

Bài Mười Ba

- Em học ghép chữ:

t + h = th (thờ)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Th ô</p>  <p>Tha mồi (chim)</p>	<p>2. Th ề</p>  <p>Thả diều</p>	<p>3. Th ê</p>  <p>Thỏ và dê</p>
<p>4. Th ó</p>  <p>Thả bóng bóng</p>	<p>5. Th ộ</p>  <p>Thi đua bơi lội</p>	<p>6. Th ử</p>  <p>Thú rừng (hổ, voi)</p>

• Em ráp vần:

th + ê = thê

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

thê

thờ-ê-thê

thế

thờ-ê-thê-sắc-thế

thề

thờ-ê-thê-huyền-thề

thẻ

thờ-ê-thê-hỏi-thẻ

thệ

thờ-ê-thê-nặng-thệ

• Em ráp vần + Đặt câu:

- th
- ê: thê - Bài học dài lê thê.¹
 - ế: thế - Em học sao mau thế.
 - ề: thề - Người ngay giữ lời thề.²
 - ẻ: thẻ - Tâm ham tập thẻ dục.
 - ệ: thệ - Chị Cúc đi tuyên thệ.³

¹ Lê thê: Rất dài.

² Lời thề: Lời nói cam kết làm một điều gì.

³ Tuyên thệ: Đọc lời thề trước công chúng.

• Em ráp vần:

th + ư = thư

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

thư

thờ-ư-thư

thứ

thờ-ư-thư-sắc-thứ

thừ

thờ-ư-thư-huyền-thừ

thử

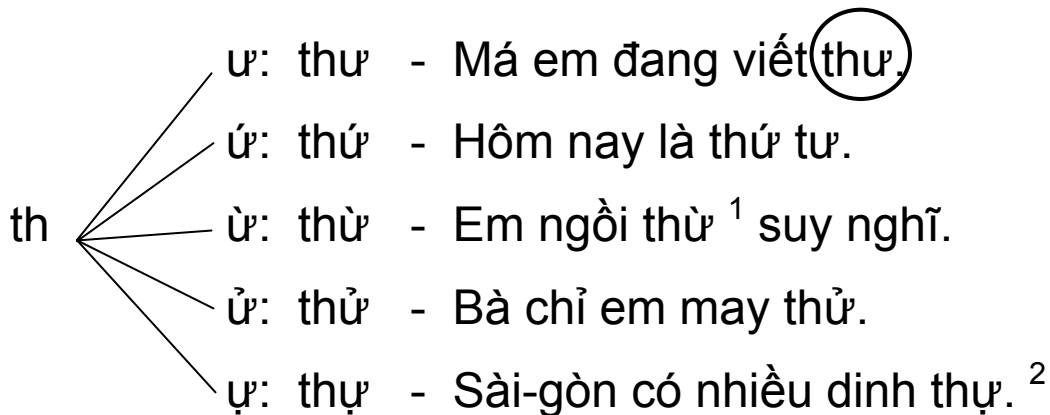
thờ-ư-thư-hỏi-thử

thụ

thờ-ư-thư-nặng-thụ

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Ngồi thừ: Ngồi yên lặng.

² Dinh thụ: Nhà to lớn dành cho công chức cao cấp ở.

• **Bài làm trong lớp.**

Em đánh dấu X vào cột đúng hoặc sai cho mỗi câu.

	<u>Đúng</u>	<u>Sai</u>
Mẹ nghe bé Thu <u>thở</u> <u>thẻ</u> .	_____	_____
Mẹ nghe bé Thu <u>thở</u> <u>thễ</u> .	_____	_____
<u>Chú</u> Thi là cha bé Thu.	_____	_____
<u>Chủ</u> Thi là cha bé Thu.	_____	_____
Chó tha <u>quả</u> lê vào nhà.	_____	_____
Chó tha <u>quà</u> lê vào nhà.	_____	_____
Ba bà <u>già</u> đi chợ xa.	_____	_____
Ba bà <u>dà</u> đi chợ xa.	_____	_____
<u>Gia</u> dẻ bé Thu đo <u>đỏ</u> .	_____	_____
<u>Da</u> dẻ bé Thu đo <u>đỏ</u> .	_____	_____
Chú Thi <u>nghe</u> sợ cho dữ.	_____	_____
Chú Thi <u>ghê</u> sợ chó dữ.	_____	_____

***Đói cho sạch,
rách cho thơm.***

• Chính tả.

Thầy cô đọc cho các em viết chính tả theo những câu ở cột
đúng của trang trước.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

• Em học hát.

Con cò

Con cò, cò bay lả, lả bay la,
Bay qua, qua ruộng lúa,
Bay về, về đồng xanh,
Tình tính tang, tang tính tình,
Dân làng rằng, dân làng ơi,
Rằng có biết, biết cho chăng.










• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

thỏ ra
tha thứ
quả lê

thi
có thư
thỏ

thư thả
sợ chó
thủ




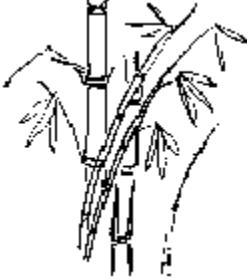

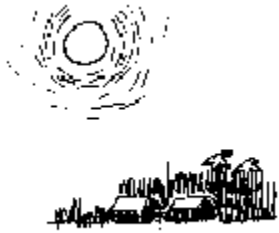
1.  Mẹ đã _____	2.  Ba _____ nhà	3.  Em thả _____
4.  Chị em _____ thì	5.  Bà đi _____	6.  Chó tha _____
7.  Chị Thu _____	8.  Bé Thư _____ thể	9.  Chi đi _____ thủ

Bài Mười Bốn

• Em học ghép chữ:

t + r = tr (trò)

Thầy cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ ghép hay chữ cái tìm thấy trong câu (Xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ ghép hoặc chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.

<p>1. Tr ò</p>  <p>Trễ xe đò</p>	<p>2. Tr ả</p>  <p>Trẻ thả diều</p>	<p>3. Tr í</p>  <p>Trò Trí đi học</p>
<p>4. Tr ú</p>  <p>Tre trúc lơ thơ</p>	<p>5. Tr á</p>  <p>Trà đá ngon quá!</p>	<p>6. Tr á</p>  <p>Trăng thu trong sáng</p>

• Em ráp vần:

tr + a = tra

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

tra

trờ-a-tra

trá

trờ-a-tra-sắc-trá

trà

trờ-a-tra-huyền-trà

trả

trờ-a-tra-hỏi-trả

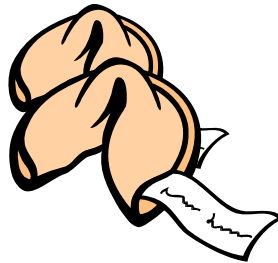
trã

trờ-a-tra-ngã-trã

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.

- tr
- a: tra - Cô em (tra) hỏi ¹ nó.
 - á: trá - Nhớ đừng có gian trá.²
 - à: trà - Ba má đang uống trà.
 - ả: trả - Mua nhà phải trả giá.



¹ Tra hỏi: Bắt phải nói sự thật.

² Gian trá: Dối gian, không ngay thẳng.

• Em ráp vần:

tr + u = tru

Thầy cô viết các từ được ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.

tru

trờ-u-tru

trú

trờ-u-tru-sắc-trú

trù

trờ-u-tru-huyền-trù

trủ

trờ-u-tru-hỏi-trủ

trữ

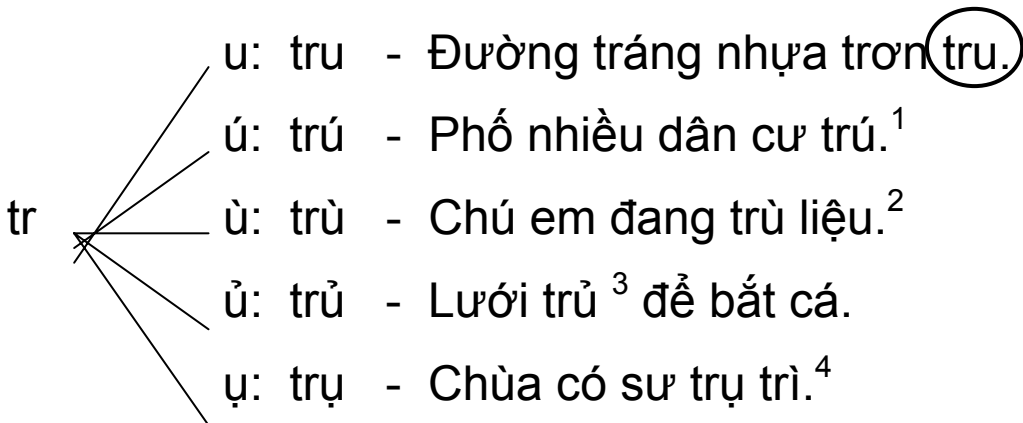
trờ-u-tru-ngã-trữ

trụ

trờ-u-tru-nặng-trụ

• Em ráp vần + Đặt câu:

Thầy cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này. Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ấy.



¹ Cư trú: Dân có nhà ở một nơi nào đó.

² Trừ liệu: Tính toán, sắp xếp công việc.

³ Lưới trữ: Lưới đan bằng tơ gộc rất dày.

⁴ Trụ trì: Ổ tu và cai quản một ngôi chùa.

• **Bài làm trong lớp.**

Em đánh dấu X vào cột đúng hoặc sai cho mỗi câu.

	<u>Đúng</u>	<u>Sai</u>
Cha Tú pha <u>trà</u> cho bà.	_____	_____
Cha Tú pha <u>chà</u> cho bà.	_____	_____
Mẹ bé Trí đi chợ về <u>trẽ</u> .	_____	_____
Mẹ bé Trí đi chợ về <u>trẽ</u> .	_____	_____
Chó tru <u>nghe</u> ghê sợ.	_____	_____
Chó tru <u>ghe</u> ghê sợ.	_____	_____
Trẻ nhỏ <u>là</u> the thé.	_____	_____
Trẻ nhỏ <u>la</u> the thé.	_____	_____
Cha mẹ đã <u>trở</u> về nhà.	_____	_____
Cha mẹ đã <u>trở</u> về nhà.	_____	_____
Trò Tú về quê <u>ngĩ</u> hè.	_____	_____
Trò Tú về quê <u>ngĩ</u> hè.	_____	_____

Tre già măng mọc.

• Bài làm trong lớp.

Em hãy chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống dưới hình vẽ:

trừ
Thẻ
trụ trì

trê
quá
trà

tre
chị
xe

1.  Trả vở cho _____	2.  Cá trê nhỏ _____	3.  Bà có li _____
4.  Lá _____ nho nhỏ	5.  Trẻ nhỏ chơi _____	6.  Cá _____ bơi lội
7.  Em làm tính _____	8.  _____ cư trú	9.  Sự cù _____

Bài Mười Lăm

- Em học ôn chữ ghép:

th

Phát âm: thờ

tr

trờ

gi

giờ

Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

<p>1. Th ồ</p>  <p>Thả cá vào hồ</p>	<p>2. Th ú</p>  <p>Thỏ, dê, gà là thú nhà</p>
<p>3. Tr ỏ</p>  <p>Trí là trò nhỏ</p>	<p>4. Tr ơ</p>  <p>Trà thơm quá</p>
<p>5. Gi ê</p>  <p>Giỏ hoa đẹp ghê!</p>	<p>6. Gi ũ</p>  <p>Gió thổi bay mũ</p>

Em ráp vần với chữ ghép **th** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
th + a	thả cá, tha thứ
th + e	the thé, lê thê
th + i	thi thử, bố thí
th + o	thỏ thẻ, thờ ơ
th + u	thú nhà, lá thư

• **Em tập đặt câu.**

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... tha thứ
..... thả cá
..... đi thi
..... thú nhà
..... lá thư

- Em ráp vần với chữ ghép **tr** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
tr + a	pha trà, trả nợ
tr + e	trẻ thơ, lá tre
tr + i	trí nhớ, tri ƠN
tr + o	trò nhỏ, ở trọ
tr + u	cư trú, chó tru

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... pha trà
 trẻ giờ
 trí nhớ
 trẻ nhỏ
 chó tru

- Em ráp vần với chữ ghép **gi** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
gi + a	cụ già, giá rẻ
gi + o	gió to, giỏ cá
gi + ơ	giơ ra, thì giờ
gi + ữ	giữ nhà, giữ gìn

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

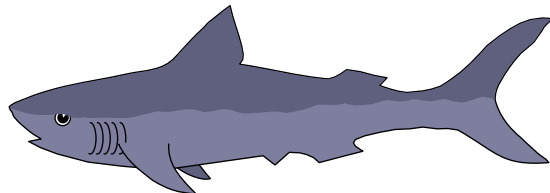
..... giá rẻ

..... gió to

..... giỏ cá

..... thì giờ

..... giữ gìn



• **Em tập đọc.**

Thú nhà quê

Cha mẹ Thi giờ đã già,
Có thì giờ thư thả ở quê nhà.
Cha thì ra hồ thả cá,
Cá quả, cá trê, cá tra.
Ra ngó nụ cà, nụ khế trở hoa,
Quả cà, quả lê nho nhỏ . . .

Mẹ thả chó để giữ nhà,
Thả gà, dê, bò và thỏ.
Cho tha hồ ăn lá, ăn cỏ.
Phụ cha pha trà, cà phê,
Nghe ông bà gõ mõ: ê, a, câu kệ.

Mẹ cha lo giữ cả trẻ nhỏ.
Chớ để lũ nhỏ bê trễ đi về,
Thú nhà quê, thú về già,
Bỏ đô thị, gìn giữ nếp ông cha.

• Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

Bài Mười Sáu

- Em học ôn chữ ghép:

gh

Phát âm: gờ-hát


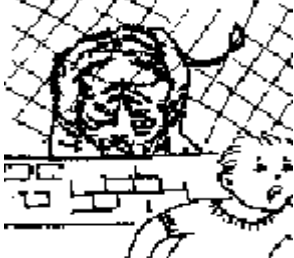




nggh

ngờ-hát

kh

khờ

Em hãy tập đọc các từ trong mỗi ô hình.

<p>1. Gh ờ</p>  <p>Ghe đò ghé bờ</p>	<p>2. Gh ữ</p>  <p>Ghê sợ hổ dữ</p>
<p>3. Ngh ê</p>  <p>Nghé kêu nghé ngọ</p>	<p>4. Ngh ề</p>  <p>Nghỉ hè ở bờ bể</p>
<p>5. Kh ả</p>  <p>Khỉ ăn quả khế</p>	<p>6. Kh ú</p>  <p>Khu phố trù phú</p>

- Em ráp vần với chữ ghép **gh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
gh + e	ghe đò, ghẻ lở
gh + ê	ghế gỗ, ghê sợ
gh + i	ghi nhớ, ghi ơn

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... ghe đò
..... ghê sợ
..... ghẻ lở
..... ghi ơn
..... ghế gỗ



- Em ráp vần với chữ ghép **ngh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
ngh + e	nghe, nghề ngộ
ngh + ê	nghệ sĩ, củ nghệ
ngh + i	nghi ngờ, nghỉ hè

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... nghe lời
 củ nghệ
 nghỉ hè
 nghi ngờ
 có nghề



- Em ráp vần với chữ ghép **kh** :

Chữ ghép + vần	Em học từ
kh + a	kha khá, khề khà
kh + e	khe khẽ, khe hở
kh + i	khỉ già, ngủ khì
kh + o	kho cá, nhà kho
kh + u	khu phố, lù khù

- Em tập đặt câu.

Em hãy tập làm văn miệng với những từ dưới đây:

..... kha khá
..... khe khẽ
..... ngủ khì
..... kho cá
..... khu phố

• **Em tập đọc.**

Ba bà đi chợ

Ba bà già đi chợ xa.
Khi đi khi nghỉ.
Cụ thở phì phò.
Cụ ho khù khụ.
Cụ thì nghe khó.
Ba bà ghé chợ ăn quà.
Cụ mê chả giò, chả quế.
Cụ thì ăn quả quê nhà,
Như quả lê, quả khế.
Cụ khề khà li trà,
Li cà phê, tô phở.
Để chủ ghi sổ nợ,
Ba bà thư thả về nhà.
Khi đi khi nghỉ.
Nghĩ mà vui ghê.

• Chính tả.

Thầy cô cho các em viết chính tả theo những câu văn ngắn của bài tập đọc.

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

.....
.....

Kì thi cuối khóa

Bài thi mẫu cấp 2

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I. Ráp vần (10 điểm).

Ráp vần với 5 chữ ghép.

Thí dụ:

Chữ ghép	Viết ba từ cho mỗi chữ ghép		
ch	cha đi bộ	chữ A	chó dữ
ng	té ngã
ng
ph
qu
tr

II. Chính tả (39 điểm)

Lựa 13 câu của bài học ôn số 12, 15 và 16.

Thí dụ:

1. Ba pha cà phê.
2.
3.
-
14.

III. Chọn từ (27 điểm).

Chọn những từ sau đây để viết dưới hình vẽ cho thích hợp.

Thí dụ:

chùm nho, nhà gỗ nhỏ trà thơm, quả cà chua.

1. hình vẽ -----	2. hình vẽ -----	3. hình vẽ -----
4. hình vẽ -----	5. hình vẽ -----	6. hình vẽ -----
7. hình vẽ -----	8. hình vẽ -----	9. hình vẽ -----

IV. Tập đọc và viết lại (12 điểm).

Khoanh tròn từ đúng chính tả trong cột A hay B. Sau đó chép lại từ vừa khoanh vào chỗ trống.

Thí dụ:	<u>Cột A</u>	<u>Cột B</u>
1. Bà về quê <u>ngĩ</u> hè	ngĩ	ghĩ
2.
3.
14.

V. Xếp câu (12 điểm).

Hãy xếp đặt câu cho hợp nghĩa và chép lại vào hàng kẻ.

Thí dụ:

1. đò Em đi về quê.

Em đi đò về quê.

2.

3.

-

14.

BÀI LÀM Ở NHÀ

Cấp 2

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 1

- **Tập viết.**

Chú hề.

Chó dữ.

Chi ăn chả cá.

Chú cho Chi quà.

Chị em Chi học chữ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (chữ, chủ)

Chó có _____

2. (chè, chữ)

Tú tô chữ A, Tý tô _____ B.

3. (Bé Bự, chả quế)

_____ ăn chè.





4. (sự tử, chó dữ)

Chú Tư sợ _____

5. (chị em, đi chợ)

Chi _____

- Em đánh dấu X vào ô vuông của câu thích hợp với hình vẽ bên cạnh và chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

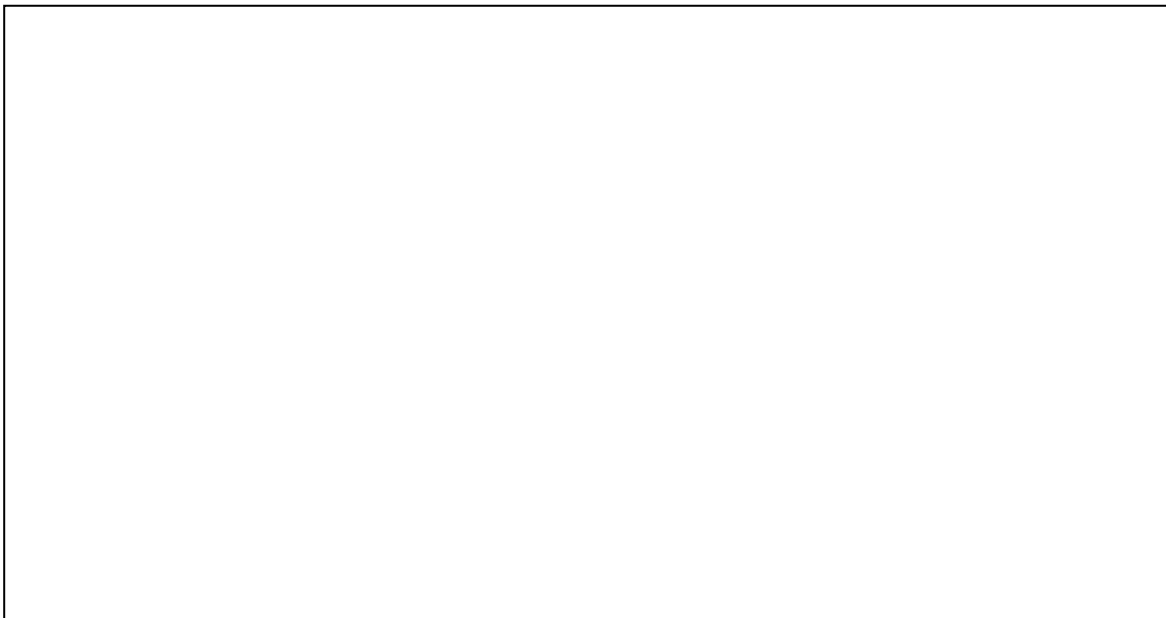
<p>1.</p> 	<p><input type="checkbox"/> Cụ đi bộ từ từ.</p> <p><input type="checkbox"/> Cha đi vô sở.</p> <p><input type="checkbox"/> Mẹ bế em bé.</p> <hr/>
<p>2.</p> 	<p><input type="checkbox"/> Bố che dù cho Chi.</p> <p><input type="checkbox"/> Chi ăn chả cá.</p> <p><input type="checkbox"/> Mẹ đi chợ xa.</p> <hr/>
<p>3.</p> 	<p><input type="checkbox"/> Chú Tư cho Chi quà.</p> <p><input type="checkbox"/> Chú hề cho Chi quà.</p> <p><input type="checkbox"/> Cha mẹ Chi hả hề.</p> <hr/>
<p>4.</p> 	<p><input type="checkbox"/> Chú Tư sợ chó dữ.</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Tư sợ hổ dữ.</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Tư sợ con dê.</p> <hr/>

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ quả cà chua.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 2

- **Tập viết.**

Ghế gỗ.

Gò ghè.

Ghi ơn cha mẹ.

Ghe ghé vô bờ.

Em ghê sợ ghẻ lở.

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (ghế, ghe đò)

Chị em Chi đi _____

2. (ghế gỗ, ghé)

Ghe chở _____

3. (ghi, ghê sợ)

Em _____ ở
dờ.

4. (ghi ơn, ghé lờ)

Em _____ cha mẹ.

5. (ghé, ghi)

Mẹ _____ em bé.

- Em đánh dấu X vào ô vuông của câu thích hợp với hình vẽ bên cạnh và chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

<p>1.</p>		<p><input type="checkbox"/> Ghe đã ghé vô bờ. <input type="checkbox"/> Em ghê sợ ghê lở. <input type="checkbox"/> Ở dơ sẽ bị ghê.</p>	<hr/>
<p>2.</p>		<p><input type="checkbox"/> Chú Ba có ghé gỗ. <input type="checkbox"/> Con gẹ bò trên cát. <input type="checkbox"/> Ghe chở gỗ gụ.</p>	<hr/>
<p>3.</p>		<p><input type="checkbox"/> Cô đã ghi vô vở. <input type="checkbox"/> Bé có vở sò tí ti. <input type="checkbox"/> Chi vẽ vở sò vô vở.</p>	<hr/>
<p>4.</p>		<p><input type="checkbox"/> Bà ghì em bé. <input type="checkbox"/> Mẹ cho em bé bú. <input type="checkbox"/> Em bé bú no nê.</p>	<hr/>

- **Chính tả:**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ con cua.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 3

- Tập viết.

Từ giã.

Gió to.

Bố đi giỗ tổ.

Em giả bộ ngủ.

Đồ cũ giá rẻ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (Ba giờ, đã già)

_____ cha em đi vô sở.

2. (cụ già, giá rẻ)

Xe ô tô cũ _____ rẻ.

3. (giá cả, giả bộ)

Em bé _____ là chú hề.




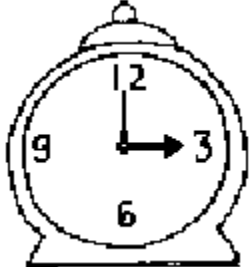
4. (chả giò, gió to)

Bố em mê ăn _____

5. (giỗ tổ, giữ nhà)

Có chó để _____

- Em đánh dấu X vào ô vuông của câu thích hợp với hình vẽ bên cạnh và chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

<p>1.</p> 	<p><input type="checkbox"/> Em ăn chả giò.</p> <p><input type="checkbox"/> Chả giò to quá.</p> <p><input type="checkbox"/> Tú có giò chả.</p> <hr/>
<p>2.</p> 	<p><input type="checkbox"/> Có chó giữ nhà.</p> <p><input type="checkbox"/> Gió to đổ cây.</p> <p><input type="checkbox"/> Gió hú ghê sợ.</p> <hr/>
<p>3.</p> 	<p><input type="checkbox"/> Dì Ba đã già.</p> <p><input type="checkbox"/> Cụ già đi bộ.</p> <p><input type="checkbox"/> Bé giả bộ té.</p> <hr/>
<p>4.</p> 	<p><input type="checkbox"/> Bỏ cà vô giỏ.</p> <p><input type="checkbox"/> Giỏ có cà bể.</p> <p><input type="checkbox"/> Đồng hồ chỉ ba giờ.</p> <hr/>

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ chú hề.

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 4

- **Tập viết.**

Bà đã già.

Chú chỉ chó.

Chi đi ăn giỗ.

Chả giò, chả quế.

Cụ già giỗ tổ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (đi chợ, chở ghế, ghẻ lở)

Ghe đò _____

Chi và mẹ _____

2. (cha mẹ, giá rẻ, ghê sợ)

_____ Chi đã già.

Tú _____ hổ dữ.

3. (ghe đò, chả giò, cụ già)

Bố và mẹ ăn _____

_____ lễ tổ.

4. (chả quế, đi ghe, ghé gổ)

_____ gụ, tủ gổ gổ.

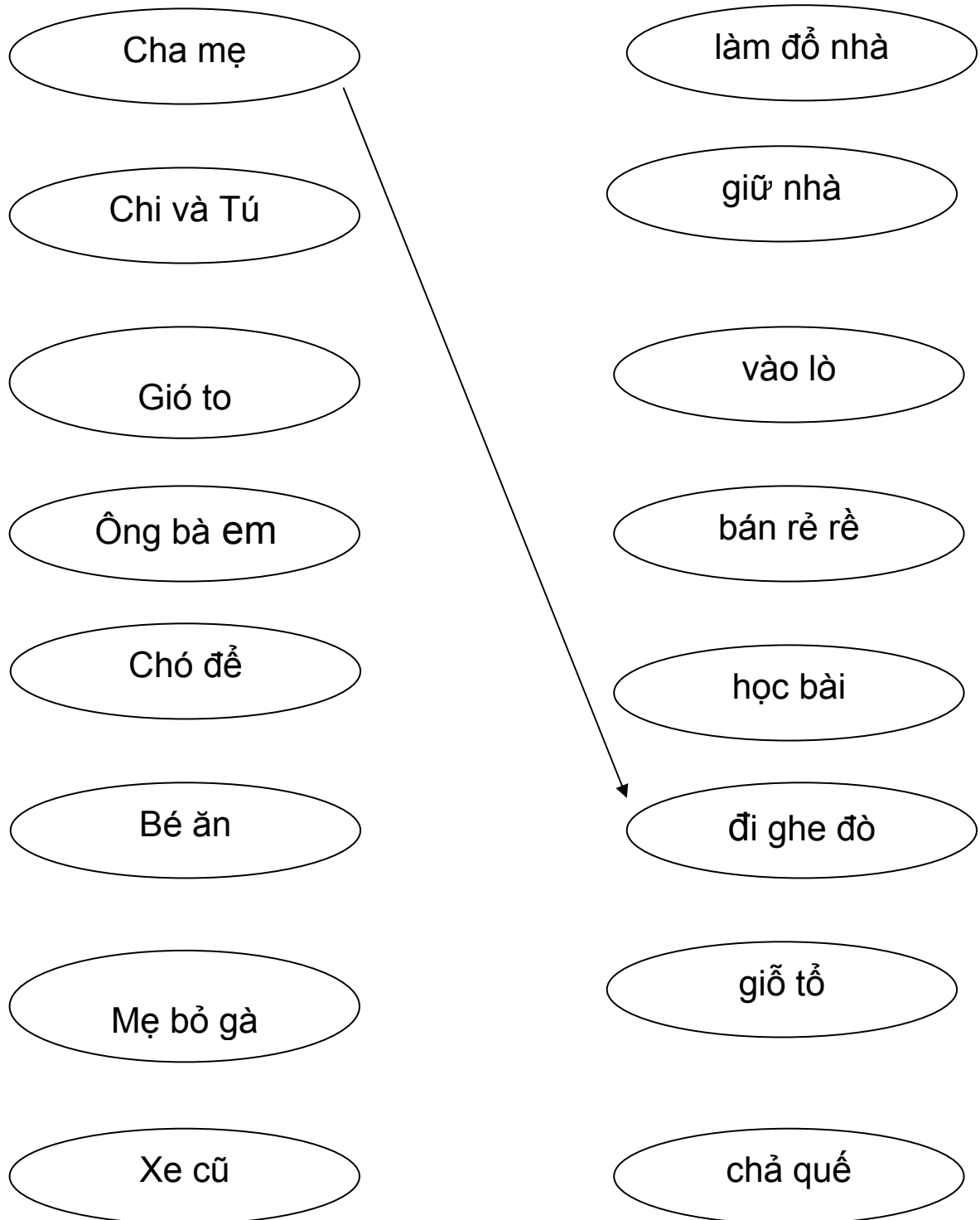
Chi và Tú ăn _____

5. (giá, gió to, che dù)

Đồ cũ _____ rẻ rẻ.

Mẹ _____ cho bé.

- Em nối các từ ở hai bên để thành một câu có nghĩa.



- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ đồng hồ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 5

- Tập viết.

Khò khè.

Khù khụ.

Khỉ già ăn khế.

Mợ Hai ca khe khẽ.

An ủi kẻ khù khờ.

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (khe khẽ, ca sĩ, khò khè)

Cô em ca _____

2. (khù khờ, Khỉ già, khò khò)

_____ ăn khế.

3. (to quá, khù khụ, bé quá)

Cụ già ho _____

4. (kẻ khó, về quê, đi chợ)

Em chớ có khi _____

5. (ho khù khụ, ghê sợ, ngủ khò)

Ăn no để _____

- Em khoanh tròn từ bên cột A hoặc cột B rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

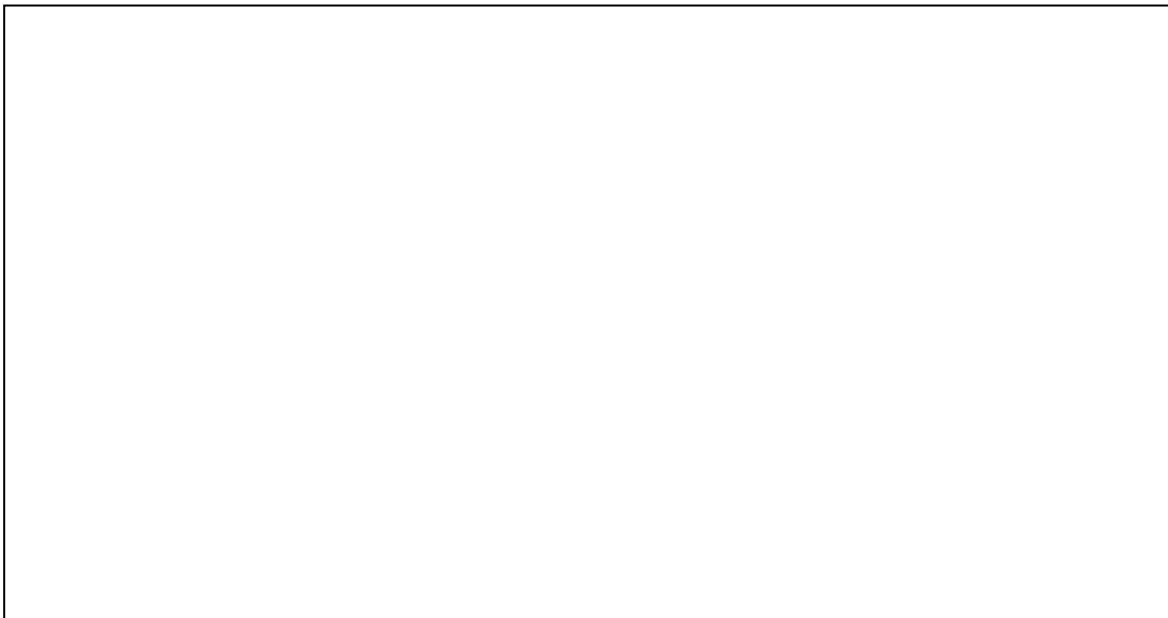
	<u>Cột A</u>	<u>Cột B</u>
1- Chi làm bài _____	khá	khà
2- Chớ _____ kẻ khó.	khi	khỉ
3- Khỉ già ăn _____	khế	khề
4- Mẹ bé Tý _____ cá.	khỏ	kho
5- Chú Tư ăn cá _____	khố	khô
6- Tủ hự có _____ hử.	khê	khe
7- Ăn no dễ ngủ _____	khó	khò
8- Cô Ba ca _____ khế.	khé	khe
9- Kẻ khó _____ sở.	khỏ	khố

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ con khỉ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 6

- **Tập viết.**

Đi ngủ.

Té ngã.

Em đi ra ngõ.

Chú Ba đã ngủ kì.

Ba có ngà voi to quá.

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (ngủ, ngã, đi)

Tú và Tý _____ bị u đầu.

2. (mê, ngủ, ca)

Chị em bé Tú _____ khò khò.

3. (ngô, ngu, ngà)

Cha mẹ Chi có _____ voi to quá.

4. (về quê, ngủ nhè, đi chợ)

Bé chớ có _____

5. (chỉ chỗ, ra ngõ, ngu ngơ)

Cha bé Tú đi _____

- Em khoanh tròn từ bên cột A hoặc cột B rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

	<u>Cột A</u>	<u>Cột B</u>
1- Em đi ra _____ chờ mẹ.	ngõ	ngỏ
2- Mẹ bế bé đi _____	ngủ	ngũ
3- Con voi có hai _____	ngá	ngà
4- Tý _____ bị u đầu.	ngả	ngã
5- _____ về quê mẹ.	ngó	ngò
6- Em để cửa bỏ _____	ngỏ	ngõ
7- Con khỉ _____ quá.	ngộ	ngọ
8- Bé chớ có _____ nè.	ngũ	ngủ
9- Em học Việt _____	ngử	ngữ

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ con ngựa.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 7

- **Tập viết.**

Nghỉ hè.

Nghi ngờ.

Về quê nghỉ hè.

Em nghe mẹ ru bé.

Con nghe kêu ghé ngo.

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (nghi ngờ, nghĩ)

Chớ có _____ ai.

2. (nghề, nghe)

Chị em Tú _____ cha mẹ.

3. (nghề vẽ, nghi ngờ)

Chú Tư có _____

4. (ru em ngủ, nghỉ hè)

Cha mẹ về quê _____

5. (em bé, nghệ sĩ)

Chú Tư là _____

- Em khoanh tròn từ bên cột A hoặc cột B rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

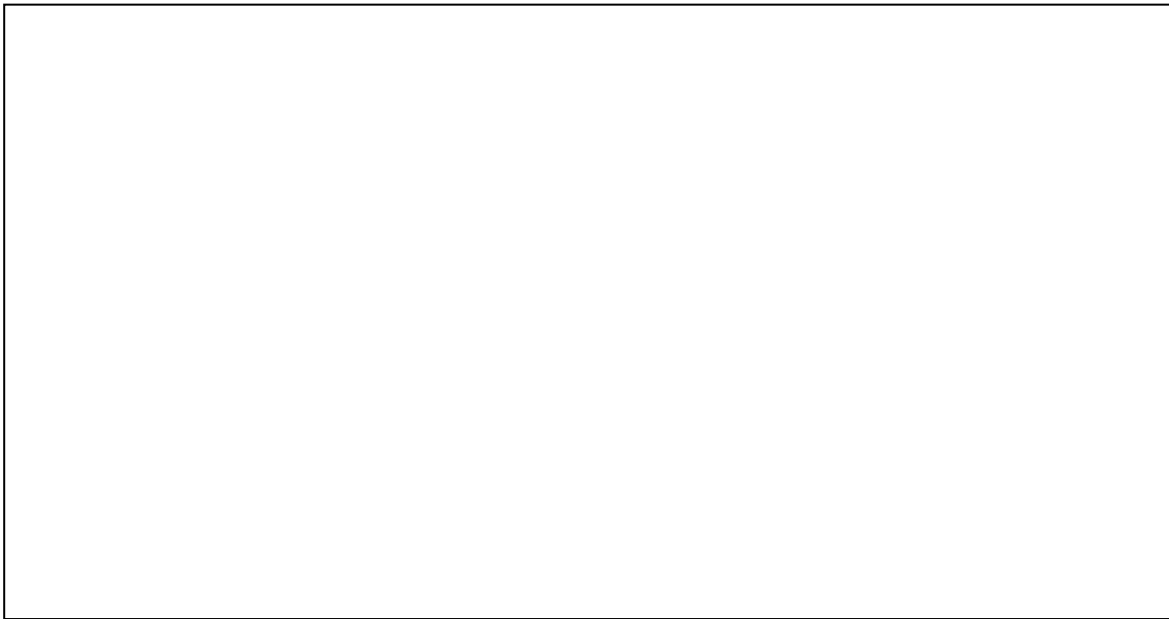
	<u>Cột A</u>	<u>Cột B</u>
1- Bà đi về quê _____ hè.	nghỉ	ngĩ
2- Con _____ kêu nghe ngo.	nghe	nghé
3- Chớ có _____ ngờ ai.	ngĩ	nghi
4- Em _____ mẹ ca.	nghé	nghe
5- Bé _____ về quê nhà.	nghỉ	ngĩ
6- Chú Ba có _____ vẽ.	nghe	nghe
7- Chú Tư là _____ sĩ.	nghe	nghe
8- Mùa hè em _____ học.	ngĩ	ngĩ
9- Chi _____ mẹ ru em bé.	nghe	nghe

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ cái tai.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 8

- **Tập viết.**

Khò khè.

Nghé ngọ.

Chi học Việt ngữ.

Em đi nghỉ hè.

Khỉ con khù khờ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (khù khờ, khe khẽ)

Cụ già ho _____

2. (nghĩ, ghé)

Con _____ bú no nê.

3. (té ngã, đi ngủ)

Bé Tú _____ u đầu.

4. (nghĩ hè, nghe lời)

Chị em Tú _____ mẹ cha.

6. (kha khá, khò khè)

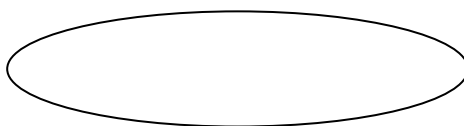
Bé Chi học _____

- Em tìm những từ sau đây và khoanh lại trong ô chữ bên dưới:

cha mẹ - che chở - ghe đò - giã gạo

ngà voi - chả quế - khò khè - chả giò

n	x	c	h	e	c	h	ở	c
g	c	t	q	g	p	è	x	h
à	o	h	n	e	h	k	m	ả
v	l	s	a	k	ò	e	á	g
o	r	n	ò	m	h	y	đ	i
i	v	h	x	b	e	ỉ	y	ò
k	k	é	ò	p	x	m	h	đ
g	i	ã	g	ạ	o	ú	p	è
x	c	h	ả	q	u	é	t	s



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 9

- **Tập viết.**

Nhà ta.

Nhu nhú.

Cô là nha sĩ.

Nhà gỗ nho nhỏ.

Bé đi ra nè nhẹ.

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (đi chợ, ngủ nhè, nghỉ hè) _____
Bé Nhi về quê _____

2. (nhỏ bé, khe khẽ, to quá) _____
Bà ru bé Nhi ngủ _____

3. (giá rẻ, nhè nhẹ, nho nhỏ) _____
Bé Nhi có quà _____

4. (nhỏ quá, khù khụ, to quá) _____
Cụ già ho _____

5. (nhà nho nhỏ, nhỏ bé, gió to) _____
Bé Nhi vẽ _____

6. (giả bộ, quả lê nhỏ, đủ đủ) _____
Bà cho em Nhi ăn _____

7. (đi ghe, nghỉ hè, đi chợ) _____
Mẹ cho chị em Nhi đi _____

- Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. em nhỏ cho Bà

2. to nhà Ba có

3. Em chó nhỏ vẽ

4. nhẹ Cụ đi nhè

5. nhà nhớ Đi xa

6. nha sĩ là Cô Tư

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ chùm nhỏ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 10

- **Tập viết.**

Phì phò.

Phủ phê.

Phở xá nhỏ hẹp.

Bố đi ăn phở gà.

Bà em kho cá phi.

- **Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.**

1. (lè phè, ăn phở, phủ phê)

Cả nhà bé Phi _____

2. (mì li, cá kho, cà phê)

Mẹ pha _____ cho cha.

3. (phá, ngó, bỏ phí)

Chớ có _____ hư xe.

4. (phố xá, phu mỏ, phu xe)

_____ ở Mỹ quá đông xe.

5. (bỏ xó, bỏ phí, bỏ phế)

Chớ có _____ thì giờ.

6. (bơ phờ, phì phò, phụ mẹ)

Chị em bé Phi _____ làm bếp.

7. (lè phè, phủ phê, bơ phờ)

Ba bà già đi chợ xa mệt _____

- Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. phở Em ăn bò

2. Bà em cá phi kho

3. nhỏ Phó xá hẹp

4. đi Bé qua phà

5. cà phê pha Bố em

6. pha Mẹ em trà

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ tô phở.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 11

- **Tập viết.**

Quê nhà.

Quà quý.

Đồ sứ quý giá.

Quê em đẹp quá.

Bé phá quá bị quỳ gối.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (gà mẹ, cú vọ, quạ)

_____ kêu quạ quạ.

2. (quỳ gối, quở la, quý quá)

Bé Tý hư bị cha mẹ _____

3. (khu phố, gà đá, quả cà)

Ở nhà quê có _____, quả lê.

4. (giò chả, què giò, giò bò)

Gà đá bị _____

5. (đi lễ, quỳ gối, quy y)

Cha mẹ em _____ chùa.

6. (quà to, quý giá, quà quê)

Bà cho chị Quy quà _____

7. (chả quế, quả cà, qua phà)

Ông bà về quê đi _____

- Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1.

2.

3.

4.

5.

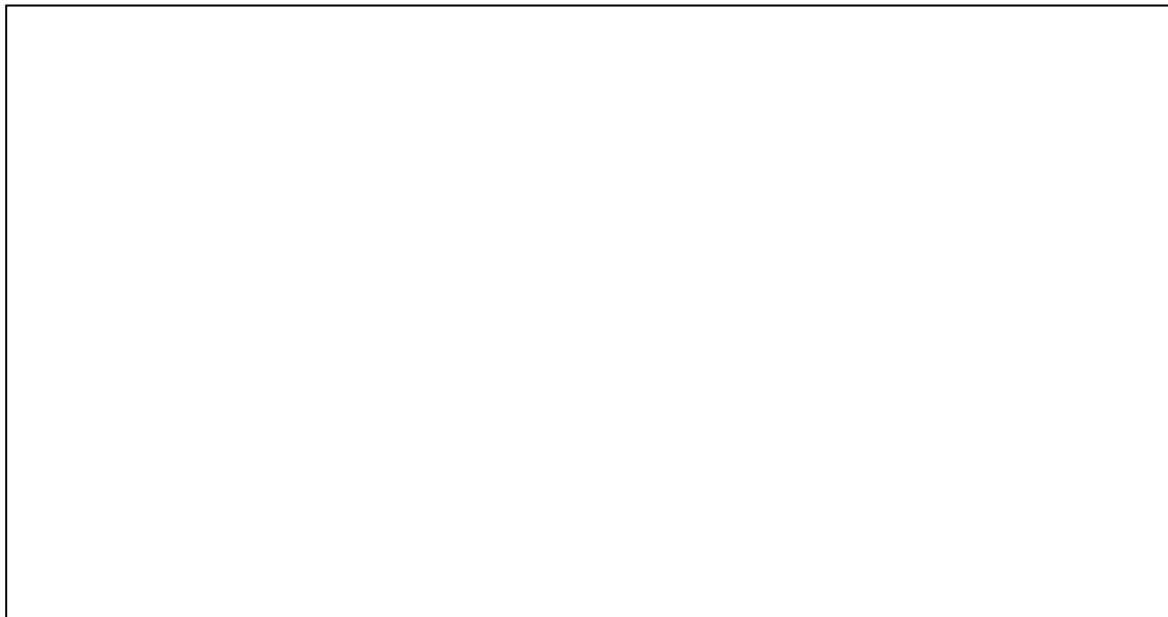
6.

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ cái quạt máy.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 12

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa.

1. (nhà xe, xe nhà, nghỉ hè)

Cha mẹ em đi _____ về quê.

Cha mẹ và em đi _____ ở quê nhà.

2. (tô mì, phở bò, cá phi)

Mẹ bỏ _____ vào lò.

Bé Phú mê ăn _____

3. (quý giá, cho quà, quả lê)

Ông nội _____ các cháu.

Quà bà cho _____

4. (cà phê, qua đò, nho nhỏ)

Dì Ba hát ru em _____

Mẹ em pha _____ cho bố.

7. (phủ phê, đi phà, phụ mẹ)

Ông và bà _____ về quê.

Dì em _____ làm

bếp.

8. (giá rẻ, giữ nhà, giò chả)

Ông có chó để _____

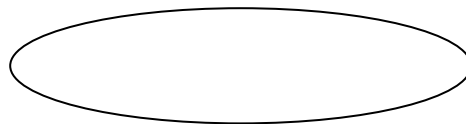
Xe cũ bán _____

Em tìm những từ sau đây và khoanh lại trong ô chữ bên dưới:

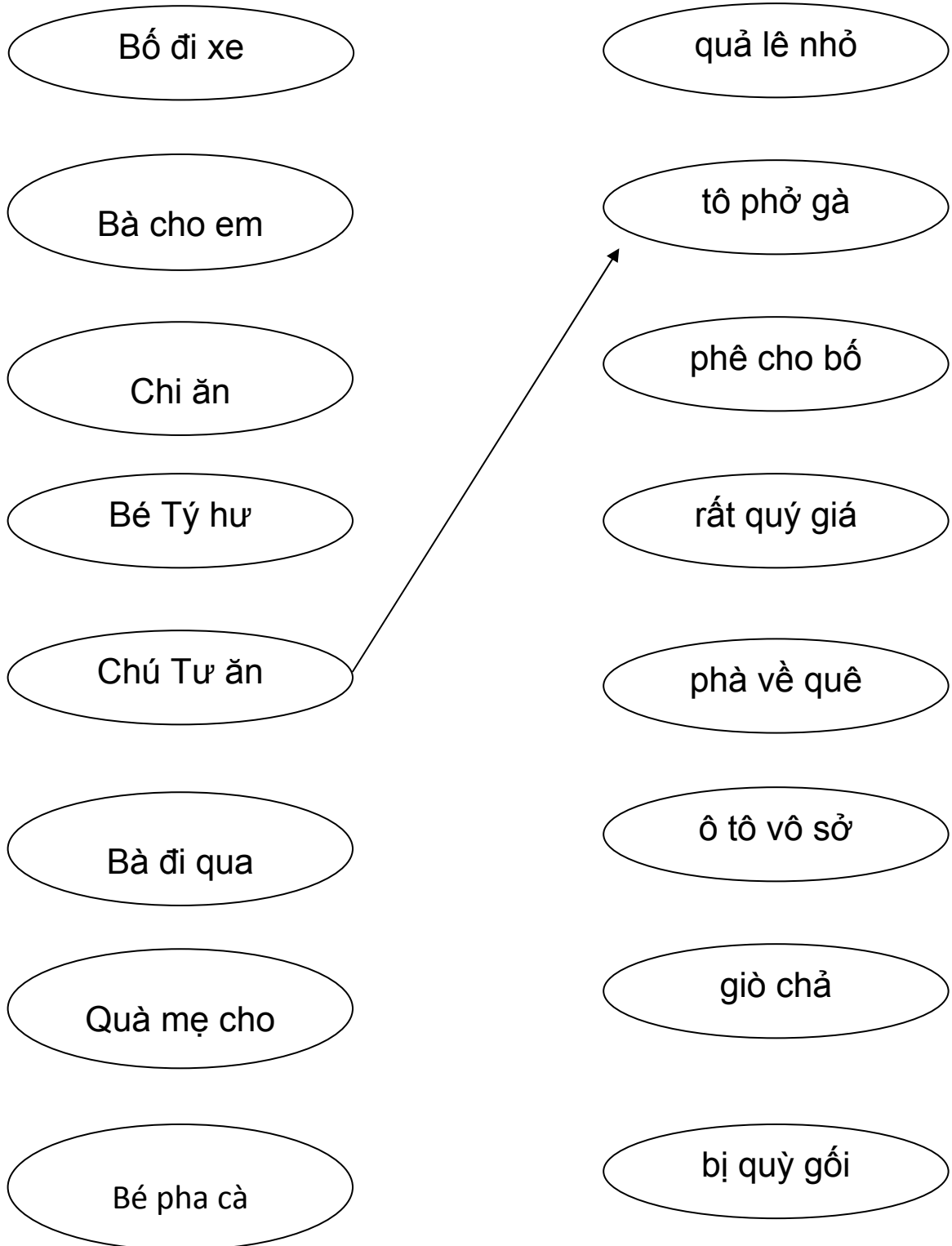
nhà xe - phở gà - đi phà - giò chả - cà phê

cá phi - phi cơ - nhu mì - phì phà - nhè nhẹ

a	b	đ	h	e	g	ò	ò	v	m	i	ở
v	c	s	t	k	đ	i	v	ư	h	h	n
n	p	h	ở	g	à	c	ò	p	c	à	h
p	n	n	a	ả	d	i	á	c	n	è	è
h	i	t	h	m	g	c	h	o	h	i	n
ì	g	p	q	u	i	đ	ò	k	q	ả	h
p	i	e	h	đ	m	d	ò	x	ó	e	ẹ
h	o	d	p	à	i	ì	ả	q	x	ê	à
à	x	b	v	h	a	p	g	à	h	x	ê
t	c	à	p	h	ê	a	h	k	r	n	đ
c	d	đ	e	b	i	n	g	à	v	k	i
q	o	v	g	o	k	p	h	i	c	ơ	h



- Em nối các từ ở hai bên để thành một câu có nghĩa.



• **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

• **Em vẽ.**

Em vẽ cái nhà.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 13

- Tập viết.

Tha thứ.

Thở thở.

Khỉ la the thé.

Bà đi bộ thư thả.

Bé đi thi Việt ngữ.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa. Sau đó chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1. (thờ ơ, thờ ơ)

Em chớ có _____ kẻ khó.

2. (Bà ghe, Bà nghe)

_____ bé Thư thả thả.

3. (tha thứ, tha thứ)

Cha mẹ dễ _____ cho con.

4. (Cụ dà, Cụ già)

_____ đi về thư thả.

5. (Việt ngữ, Việt ngữ)

Chị em Thư đi thi _____

- Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. tha Chim mẹ mời

2. ăn Thỏ dê lá cỏ

3. thứ tư Hôm nay là

4. thỏ thẻ Bé với mẹ

5. thi Chị Chi đi

6. đi Bà thư thả

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ con thỏ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 14

- **Tập viết.**

Cá trê.

Trụ trì.

Chó tru dễ sợ.

Bố hay pha trà đá.

Quê em rất trù phú.

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa. Sau đó chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1. (chả ơn, trả ơn)

Con nhớ _____ cha mẹ.

2. (trả giá, trả dá)

Cha sẽ _____ xe ô tô cũ.

3. (cư trú, cư chú)

Cả nhà em Trí _____ ở San Jose.

4. (li trà, li chà)

Bà cụ Thọ pha _____

5. (giở quá xá, dở quá xá)

Chị Thu ca _____

- Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. xa đi học Trò Trí

2. lơ thơ tre trúc Lá

3. Chớ nên trẻ đi học

4. trà Ba pha cho bà

5. trả lời lễ phép Em

6. đẹp Trời nắng quá!

- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ cây tre.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 15

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa. Sau đó chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1. (thả cá, thả cà)

Cha đi ra hồ để _____

2. (ăn cỏ, ăn cò)

Thỏ, dê, bò ăn lá, _____

3. (chở hoa, trở hoa)

Nụ trà, nụ khế _____

4. (chẻ nhỏ, trẻ nhỏ)

Cha mẹ Thi ở nhà lo giữ _____

5. (cụ già, cụ dà)

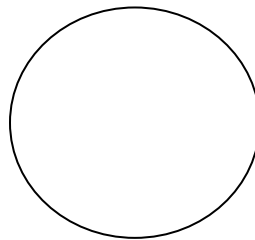
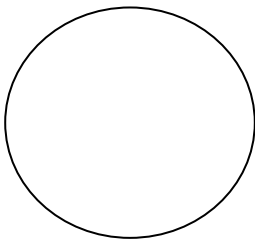
Ba bà _____ đi chợ xa.

- Em tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống. Sau đó viết từ này vào ô chữ theo số của mỗi câu.

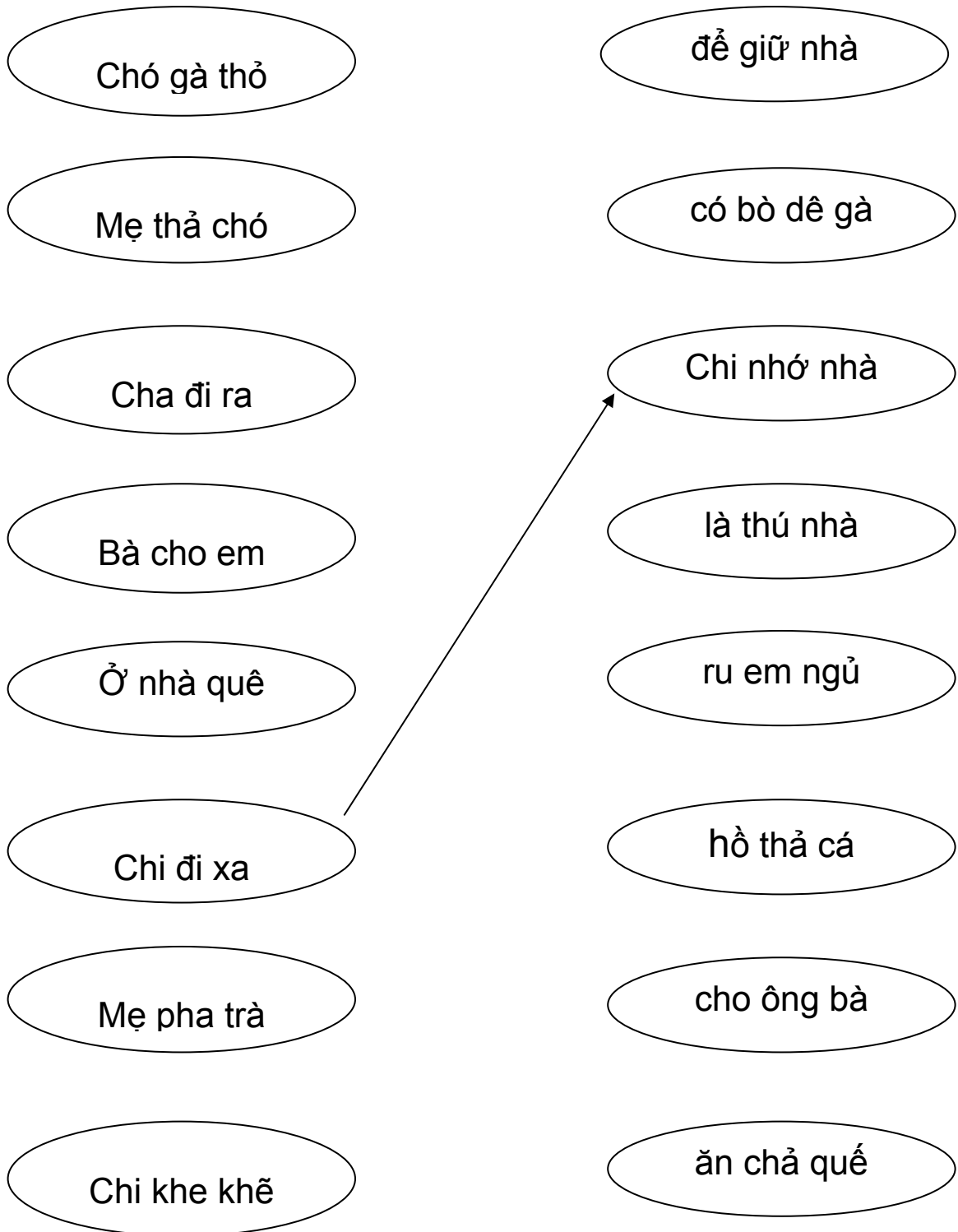
1. ___ ___ ___ đi xa, em nhớ nhà,
2. Cô Tư ___ ___ qua phà.
3. Nhà chú ở ___ ___ chợ.
4. Bố mẹ và em ở ___ ___ ___ to.
5. Tý có hai ___ ___ bé.
6. Đi xa nhà, em ___ ___ ___ mẹ.
7. Chị Thư phụ ___ ___ lau nhà.
8. Em có mẹ, ___ ___ ___ và anh chị.

1				2			3			4			
---	--	--	--	---	--	--	---	--	--	---	--	--	--

5				6				7			8		
---	--	--	--	---	--	--	--	---	--	--	---	--	--



- Em nối các từ ở hai bên để thành một câu có nghĩa.

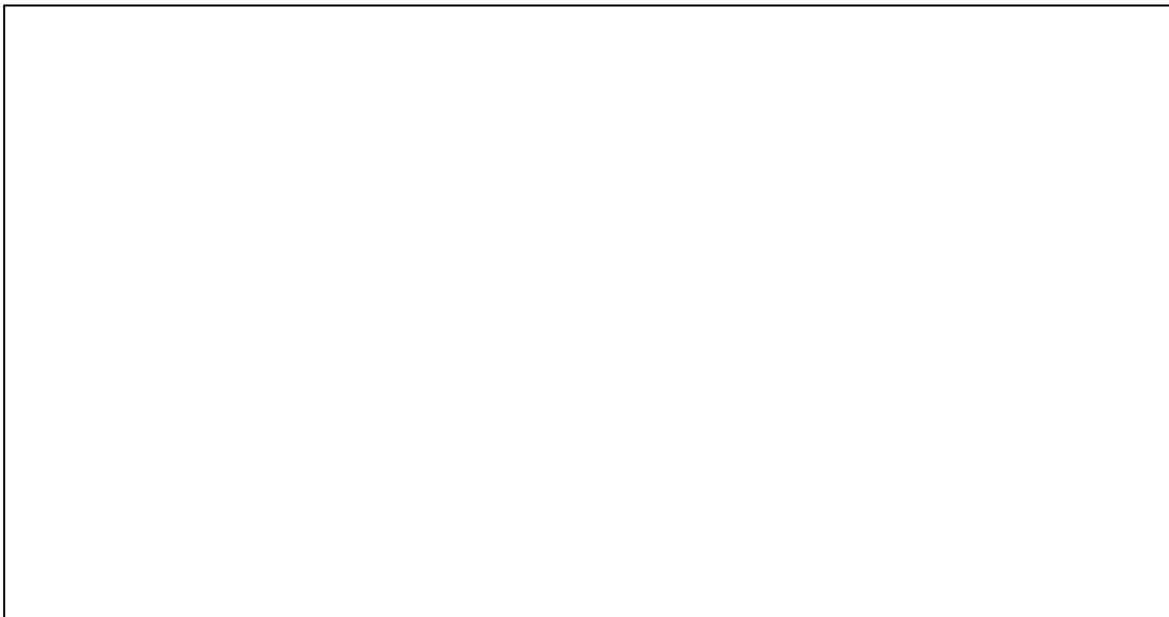


- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ cụ già.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài làm ở nhà # 16

- Em khoanh tròn từ trong ngoặc đơn rồi điền vào chỗ trống mỗi câu cho hợp nghĩa. Sau đó chép lại cả câu vào hàng kẻ sẵn.

1. (nghe vô bờ, ghé vô bờ, ghe vô bờ)

Chú Tư cho ghe _____

2. (hổ dữ, hổ giữ, ho dữ)

Chị em Chi ghê sợ _____

3. (nhớ ơn, nhờ ơn, nhờ ơn)

Em _____ ông bà, cha mẹ.

4. (ke kẽ, khe kẽ, kê kê)

Cô Thư ru em _____

5. (nghe sợ, ghê sợ, nghe sợ)

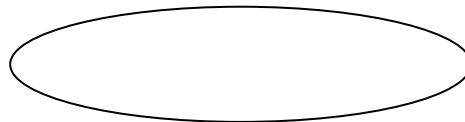
Nghe chó tru _____

- Em tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống. Sau đó viết lại từ này vào ô chữ theo số của mỗi câu.

1. ___ ___ em có anh chị và ba má.
2. Mẹ bé ___ ___ bé.
3. Bờ hồ ___ ___ cá to.
4. Bố, ___ ___ em đi nghỉ hè ở nhà quê.
5. Em nghe lời ___ ___ mẹ.
6. Nhà quê có bò, gà, thỏ ___ ___ dê.
7. Anh Trí là ___ ___ cả.
8. Chị Thu là ___ ___ bé Phi.
9. Bà pha cà phê cho ___ ___.
10. Ba ___ ___ già đi chợ xa.

1			2			3				4				5		
---	--	--	---	--	--	---	--	--	--	---	--	--	--	---	--	--

6			7				8		
---	--	--	---	--	--	--	---	--	--

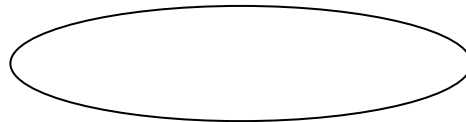


- Em tìm những từ sau đây và khoanh lại trong ô chữ bên dưới:

đi thư thả - li trà đá - giỏ cá trê - tô phở bò

đi xa nhà - nhớ mẹ cha - có thư nhà - em vui quá

n	h	ó	m	ẹ	c	h	a	v	ê	đ	ở
v	c	s	t	k	đ	i	v	r	k	h	n
g	h	ư	x	k	q	p	t	y	c	à	h
l	i	t	r	à	đ	á	h	c	n	è	ò
đ	q	t	n	m	c	b	h	ó	h	b	e
ì	i	ỏ	q	ỏ	i	c	ò	t	ở	ả	m
p	k	t	i	đ	ó	d	ò	h	ó	t	v
h	o	g	h	á	i	m	p	ư	x	é	u
à	x	á	v	ư	t	ô	ẹ	n	h	x	i
t	c	à	p	h	t	r	h	h	r	n	q
c	d	đ	e	b	i	h	ê	à	h	o	u
đ	i	x	a	n	h	à	ả	i	c	g	á



- **Chính tả.**

Em viết chính tả theo những câu văn ngắn của trang trước.

- **Em vẽ.**

Em vẽ cái bàn học.



Phần giải nghĩa các câu tục ngữ

- Bài 1 **Có chí thì nên.**
Làm việc gì, nếu cứ cố gắng mãi cũng sẽ được thành công.
- Bài 2 **Thương người như thể thương thân.**
Phải nên thương yêu mọi người khác như thương yêu chính mình vậy.
- Bài 3 **Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.**
Gần mực, tay ta sẽ bị dính mực đen dơ bẩn. Gần đèn ta sẽ có được ánh sáng. Câu này có ý nói gần người tốt ta sẽ được ảnh hưởng cái tốt, còn gần người xấu ta sẽ bị lây cái xấu của họ.
- Bài 5 **Không thầy đố mày làm nên.**
Không học hỏi, không nhờ ai chỉ bảo thì sẽ chẳng làm nên được gì cả.
- Bài 6 **Tham thực cực thân.**
Tham lam ăn nhiều quá thì sẽ hại đến thân thể. Câu này ý nói vì quá tham danh lợi mà làm điều phi pháp đến bị tù đày cực khổ.
- Bài 7 **Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.**
Học hỏi một nghề cho thật giỏi thì sẽ được vững vàng, sung sướng.
- Bài 9 **Kiên tha lâu đầy tổ.**
Kiên nhẫn học hỏi, bền chí làm việc, lâu ngày sẽ thành công.
- Bài 10 **Cây có cội, nước có nguồn.**
Con người có ông bà, cha mẹ, như cây mọc lên từ gốc, nước chảy ra từ nguồn. Câu này ý nói con cháu phải nhớ đến công ơn của cha mẹ, ông bà, tổ tiên đã nhọc công nuôi nấng và gây dựng cho chúng ta.
- Bài 11 **Chị ngã em nâng.**
Người chị bị vấp ngã thì người em phải nâng dậy. Câu này ý nói anh chị em phải thương yêu, giúp đỡ nhau lúc gian nan, hoạn nạn.
- Bài 13 **Đói cho sạch, rách cho thơm.**
Dù đói rách, nghèo khổ cũng phải giữ cho quần áo, thân mình luôn sạch sẽ, thơm tho. Câu này ý nói dù nghèo khổ cũng phải giữ tâm lòng trong sạch không làm điều sằng bậy, phi pháp.
- Bài 14 **Tre già, măng mọc.**
Câu này ý nói lớp người lớn vừa già thì lớp người nhỏ lớn lên thay thế.

Tài liệu tham khảo:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Cẩm Nang Sư Phạm.**
Các Trung Tâm Việt Ngữ Nam California.
- **Chữ Việt Học Mau.**
Khuất Hữu Dũng - Thảo Bình.
- **Văn Việt Ngữ.**
Bùi Văn Bảo.
- **Em Học Việt Ngữ.**
Trung Tâm Giáo Dục Hồng Bàng.
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.
- **Thơ Tuổi Thơ.**
Nguyễn Hữu Bào.



QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Lê Hữu Phước

Này Công Dân ơi Đứng lên đáp lời sông núi Đồng lòng cùng
 đi hy sinh tiếc gì thân sống. Vì tương lai Quốc dân, cùng
 xông pha khói tên, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dù
 cho thầy phôi trên gươm giáo, thù nước lấy máu đào đem
 báo Nòi giống lúc biển phải cần giải nguy, người Công Dân
 luôn vững bền tâm trí, hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi vang
 tiếng người nước Nam cho đến muôn đời Công Dân ơi! mau hiến thân dưới
 cờ Công Dân ơi Mau làm cho oải bò, thoát cơn tàn phá, về
 vang nòi giống xúng danh nghìn năm giồng giồng Lạc Hồng

VĂN LANG HÀNH KHÚC

Thượng Nhân



Về Văn Lang ta vui chúng ta cùng quay về nguồn
Lòng hăng say ta vui chúng ta cùng xây dựng đời



Về nơi đây hôm nay chúng ta cùng xây đời mới
Rồi mai đây quê hương sẽ vang lừng thế hệ mới



Hãy cùng sánh vai Vì non sông góp công vì quê hương đấu
Hương về nước Nam Lòng ta luôn quyết tâm cùng nhau đi đáp



tranh Cho khắp nơi chan hoà mừng vui
xây Cho khắp nơi reo mừng đoàn viên



Anh chị em hỡi mau về đây ta cùng tỏ tấm cho đời



sau Cho nước non mai này sẽ thanh bình nơi nơi
Cho cháu con Tiên Rồng sẽ sống đời yên vui

NGÔI TRƯỜNG VĂN LANG

Thượng Nhàn

Nơi Văn Lang em vui học vui Em siêng
 Nơi Văn Lang em luôn học chăm Em hăng
 năng trau dồi tiếng Việt Em sẽ là học sinh gương
 say đến trường mỗi tuần Em sẽ là trò ngoan trong
 mẫu Cho xứng là giống giống Ròng Tiên
 lớp Cho xứng lòng thương mến thầy cô
 Em luôn luôn nghe theo thầy cô Chăm viết
 chăm đánh vần chữ Việt Em sẽ thành một người hữu
 ích Cho xứng là giống giống Việt Nam
 Văn Lang ơi thầy cô yêu mến dạy cho em lễ
 Văn Lang ơi trường em yêu dấu là nơi em ra
 phép làm người. Em không quên những lời khuyên bảo
 sức học hành. Em mong sao đến ngày khôn lớn
 Để mai sau xứng thành người dân
 Sẽ mang cống hiến về quê hương

VIỆT NAM

Phạm Duy

Việt Nam Việt Nam nghe tự vào đời Việt Nam hai câu nói bên vành nôi Việt Nam nước tôi Việt Nam Việt Nam tên gọi là người Việt Nam hai câu nói sau cùng đi lia đời Việt Nam đây miền xinh tươi Việt Nam đem vào sông núi Tự do công bình bác ái muôn đời Việt Nam không đời xương máu. Việt Nam kêu gọi thương nhau Việt Nam đi xây đắp yên vui dài lâu Việt Nam trên đường tương lai lửa thiêu soi toàn thế giới. Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho đời. Tình yêu đây là khí giới. Tình thương đem về muôn nơi. Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình người... Việt Nam Việt Nam Việt Nam quê hương đất nước sáng ngời Việt Nam Việt Nam Việt Nam muôn đời

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ

Nguyễn Đức Quang



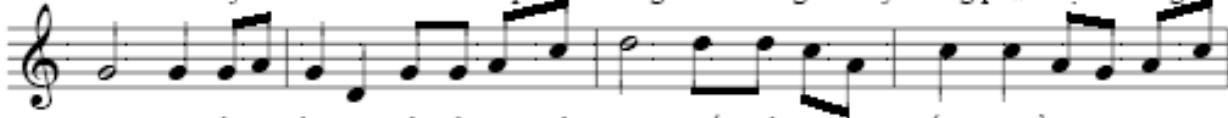
1. Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn. Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang
2. Ta như giống dân di tràn trên lò lửa hồng. Mặt lạnh như đồng cùng phin về một xa



vang. Lê sau bàn chân gông xiềng của thời xa xăm. Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loang
xăm. Da chan mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân tươi. Ôm vết thương rỉ máu ta cười dưới ánh mặt



xoang. Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người. Nụ cười muôn đời là một nụ cười không
trời. Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người. Làm người huy hoàng phải chọn làm người dân



tươi. Nụ cười xa vời nụ cười của lòng hồn sỏi. Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân
Nam. Làm người ngang tàng điểm mặt mày của trần gian. Hỏi những ai gục xuống ngói dậy hùng cường đi



gian. ĐK. Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại. Xương da thịt này cha ông
lên.



miệt mài Từng ngày qua, cười ngạo nghề đi trong đau nhức không người



chúng ta thành một đoàn người hiên ngang trên bàn chông hát cười đùa



vang vang. Còn Việt Nam triệu con tim này còn triệu khối kiêu hùng (2. Ta như giống.....)